

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN ĐÀO THÁI HẢI

VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRONG HỖ TRỢ HỌC SINH SỬ DỤNG FACEBOOK
(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG TRUNG
HỌC CƠ SỞ CHU VĂN AN TỈNH THÁI NGUYÊN)

LUẬN VĂN THẠC SĨ

HÀ NỘI, THÁNG 10/2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN ĐÀO THÁI HẢI

**VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRONG HỖ TRỢ HỌC SINH SỬ DỤNG FACEBOOK
(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG TRUNG
HỌC CƠ SỞ CHU VĂN AN TỈNH THÁI NGUYÊN)**

Chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã ngành : 8760101

LUẬN VĂN THẠC SĨ

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. NGUYỄN THANH BÌNH

HÀ NỘI, THÁNG 10/2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân tôi, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn này là hoàn toàn hợp lệ và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

Tác giả luận văn.

Nguyễn Đào Thái Hải

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm chân thành, em xin bày tỏ lòng biết ơn tới các thầy giáo, cô giáo trường Đại Học Lao Động-Xã Hội, đặc biệt là Thầy giáo PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình cùng các thầy cô ban giám hiệu trường THCS Chu Văn An đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành luận văn tốt nghiệp này. Em cũng xin cảm ơn các thầy cô giáo giảng dạy trong nhà trường đã truyền đạt cho em rất nhiều kiến thức bổ ích để thực hiện luận văn và cũng như có được hành trang vững chắc cho sự nghiệp trong tương lai.

Do giới hạn kiến thức và khả năng lý luận của bản thân còn nhiều thiếu sót và hạn chế, kính mong sự chỉ dẫn và đóng góp của các thầy cô giáo để luận văn của em được hoàn thiện hơn.

Hà Nội, ngày .. Tháng ... năm

MỤC LỤC

| | |
|---|------------|
| LỜI CAM ĐOAN | i |
| LỜI CẢM ƠN | ii |
| MỤC LỤC | iii |
| DANH MỤC VIẾT TẮT | v |
| DANH MỤC BẢNG BIỂU | vii |
| MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI | 14 |
| 1.1 Khái niệm..... | 14 |
| 1.1.1 Khái niệm mạng xã hội..... | 14 |
| 1.1.2.Khái niệm mạng xã hội Facebook..... | 15 |
| 1.1.3.Khái niệm học sinh..... | 17 |
| 1.1.4 .Khái niệm học sinh trung học cơ sở..... | 18 |
| 1.1.5..Khái niệm công tác xã hội | 18 |
| 1.1.5.1 Khái niệm công tác xã hội đối với học sinh sử dụng Facebook..... | 19 |
| 1.1.5.2 Khái niệm nhân viên công tác xã hội | 20 |
| 1.1.6 Khái niệm về vai trò | 20 |
| 1.2. Đặc điểm tâm lý xã hội của học sinh Trung học cơ sở..... | 20 |
| 1.3. Vai trò nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ học sinh sử dụng Facebook..... | 29 |
| 1.4. Các yếu tố tác động đến vai trò nhân viên Công tác xã hội..... | 29 |
| 1.5.Các lý thuyết áp dụng | 32 |
| 1.5.1. Thuyết về nhu cầu con người..... | 32 |
| 1.5.2.Thuyết hành vi..... | 34 |
| CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VÀ VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ HỌC SINH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN TỈNH THÁI NGUYÊN SỬ DỤNG FACEBOOK | 36 |

| | |
|---|-------------------------------------|
| 2.1. Giới thiệu về cơ sở nghiên cứu | Error! Bookmark not defined. |
| 2.2. Thực trạng học sinh sử dụng Facebook tại trường THCS Chu Văn An, tỉnh Thái Nguyên..... | 36 |
| 2.3. Một số vai trò nhân viên Công tác xã hội trường THCS Chu Văn An hỗ trợ học sinh sử dụng Facebook | 57 |
| 2.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ học sinh trường THCS Chu Văn An sử dụng Facebook hiệu quả | 64 |
| CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT NHỮNG GIẢI PHÁP TỪ NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI HỖ TRỢ HỌC SINH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN TỈNH THÁI NGUYÊN SỬ DỤNG FACEBOOK HIỆU QUẢ | |
| 3.1. Một số khuyến nghị hỗ trợ học sinh trường THCS Chu Văn An tỉnh Thái Nguyên sử dụng Facebook hiệu quả..... | 69 |
| 3.2. Giải pháp chung tại trường Trung học cơ sở Chu Văn An tỉnh Thái Nguyên trong hỗ trợ học sinh sử dụng Facebook hiệu quả | 71 |
| KẾT LUẬN..... | 79 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 81 |
| PHỤ LỤC 1: PHIẾU KHẢO SÁT..... | 84 |
| PHỤ LỤC 2 KẾT QUẢ SỐ LIỆU SAU KHI CHẠY PHẦN MỀM SPSS | 89 |

DANH MỤC VIẾT TẮT

| STT | Chữ viết tắt | Nội dung |
|------------|---------------------|--|
| 1. | CTXH | Công tác xã hội |
| 2. | FB | Facebook |
| 3. | THCS | Trung học cơ sở |
| 4. | DVCTXH | Dịch vụ Công tác xã hội |
| 5. | LĐTĐB-XH | Lao động – Thương binh – Xã hội |
| 6. | NVCTXH | Nhân viên Công tác xã hội |
| 7. | THPT | Trung học phổ thông |

DANH MỤC BẢNG BIỂU

| | |
|--|----|
| Bảng 2.1.: Thời gian sử dụng Facebook của học sinh trường THCS Chu Văn An | 38 |
| Bảng 2.2. Bảng mục đích sử dụng Facebook của học sinh trường THCS Chu Văn An..... | 44 |
| Biểu đồ 2.1. Thống kê thời gian sử dụng FB ảnh hưởng tới sức khỏe của học sinh | 40 |
| Biểu đồ 2.2. Liên hệ thời gian sử dụng và kết quả học tập khi sử dụng Facebook của học sinh trường THCS Chu Văn An | 41 |
| Biểu đồ 2.3. Thời gian sử dụng Facebook của học sinh trường THCS Chu Văn An | 47 |
| Biểu đồ 2.4. Thống kê mức độ cảm xúc của học sinh khi nhận được “Like và share” | 50 |

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Con người đang sống trong một thế giới toàn cầu hóa, thế giới của kỹ thuật số, với khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão, con người nỗ lực để phát minh ra những thành tựu sáng chế, những công cụ phục vụ, đáp ứng nhu cầu vô tận của nhân loại. Trong đó, Internet nói chung và các mạng xã hội nói riêng được kể đến là những công cụ vô cùng tiện ích. Facebook – một mạng xã hội tuy ra đời muộn hơn một số bậc tiền bối như: Myspace, Yahoo! Blog,.. nhưng nó đã nhanh chóng trở thành một mạng xã hội khổng lồ, số một thế giới về mức độ truy cập và số lượng thành viên tham gia, vượt mặt các đối thủ trước đó. Ra đời năm 2004 và thâm nhập vào Việt Nam từ năm 2009, với những tính năng công nghệ ưu việt, độ tương tác cao, cùng những tiện ích mà Facebook đem lại đã khiến những người làm việc trong môi trường kết nối Internet, đặc biệt là với giới trẻ có thể công khai cập nhật những trạng thái cảm xúc, chia sẻ suy nghĩ, tình cảm, quan điểm cá nhân với mọi người, tích lũy những kiến thức mới, mối quan hệ mới, giao lưu học hỏi, buôn bán, và thỏa mãn sở thích của mình với những nhóm cộng đồng chung sở thích như âm nhạc, phim ảnh, thời trang,...Facebook là nơi lắng nghe, chia sẻ và kết nối mọi người gần nhau hơn, cũng vì vậy mà Facebook dường như không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày của mọi người đặc biệt là giới trẻ. Có thể nói rằng, giới trẻ ngày nay “ăn Facebook, chơi Facebook, ngủ Facebook” và đáng báo động là thực trạng “sống - hướng tới tương lai qua Facebook”.

Theo thống kê của Hootsuite và trang web wearesocial.net vào năm 2018 như sau:

Việt Nam xếp ở vị trí thứ 7 trong bảng xếp hạng các quốc gia có đông người dùng Facebook nhất với 58 triệu người dùng.

Trung bình cứ 3 giây có một người dân Việt Nam đăng ký tài khoản Facebook.

Cũng theo trang này, độ tuổi sử dụng mạng xã hội Facebook chủ yếu là từ 13 đến 24, chiếm 71%.

Người sử dụng mạng xã hội Facebook không phân biệt lứa tuổi, nhưng nhiều nhất, thường xuyên nhất, và bị ảnh hưởng nhất là giới trẻ, trong đó chủ yếu là lứa tuổi học sinh Trung học cơ sở, Trung học phổ thông. Việc sử dụng công nghệ thông tin và sử dụng mạng xã hội là nhu cầu chính đáng của tất cả mọi người. Thanh thiếu niên Thái Nguyên nói chung và học sinh Trường THCS Chu Văn An nói riêng đã ứng dụng rất tốt những tiện ích mà công nghệ mang lại, phục vụ cho cuộc sống học tập, giải trí, giao lưu, kết bạn, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân trong cuộc sống hàng ngày. Qua đó, các bạn khẳng định được sự năng động, thể hiện được bản thân trước bạn bè, trước xã hội.

Không thể phủ nhận vai trò của mạng xã hội Facebook, nhưng việc sử dụng Facebook quá đà và thói quen “sống thật” trong môi trường ảo của giới trẻ đã kéo theo nhiều hệ lụy, ảnh hưởng đến cuộc sống của nhiều người sử dụng mạng xã hội, đặc biệt ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần và những giá trị chuẩn mực cuộc sống đối với lứa tuổi học sinh. Việc sử dụng Facebook như thế nào là hiệu quả? Vẫn đang là một vấn đề thảo luận, chưa được kiểm soát chặt chẽ, chưa được đưa vào giáo dục trong nhà trường, chưa được định hướng một cách tích cực và người tham gia cũng chưa mấy ý thức nghiêm túc về nó.

Là một bộ phận trong nhà trường, nhân viên công tác xã hội với nhiệm vụ xây dựng một môi trường thân thiện giúp học sinh thành công trong học tập và hoàn thiện nhân cách. Vì vậy, nhân viên công tác xã hội học đường sẽ đóng vai trò như cầu nối giữa phụ huynh, nhà trường và cộng đồng; cũng như

xây dựng cùng lúc nhiều hoạt động như tổ chức (và thực hiện) những buổi tập huấn kỹ năng hoặc tham vấn cho những người có nhu cầu, phát triển những chương trình ngăn ngừa những hành vi xấu có khuynh hướng phát triển trong trường học, thực hiện những hoạt động can thiệp nhằm giảm thiểu những vấn đề gây cản trở việc học tập của học sinh,... Đứng trước thực trạng học sinh sử dụng Facebook chưa hiệu quả để khắc phục vấn đề này thì vai trò nhân viên Công tác xã hội đóng một phần rất quan trọng.

Với mong muốn chỉ ra vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ học sinh hiểu được những tiện ích mà FB đem lại và đề xuất những giải pháp giúp các em học sinh sử dụng FB một cách hiệu quả và tích cực hơn, tôi đi đến quyết định lựa chọn đề tài nghiên cứu: ***“Vai trò nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ học sinh sử dụng Facebook (nghiên cứu trường hợp tại trường Trung học cơ sở Chu Văn An, tỉnh Thái Nguyên)”***.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Công tác xã hội trong trường học hay còn gọi là công tác xã hội học đường là một lĩnh vực trong công tác xã hội được thực hành trong trường học để giúp đỡ học sinh, giáo viên hay cán bộ quản lý nhà trường tăng cường hoặc phục hồi năng lực thực hiện chức năng xã hội của họ và tạo ra những điều kiện thích hợp nhằm đạt được những mục tiêu trong dạy và học.

Công tác xã hội trong trường học là một lĩnh vực được thực hành thông qua việc Nhân viên công tác xã hội vận dụng kiến thức, kỹ năng, nguyên tắc, phương pháp của chuyên biệt của ngành làm việc cụ thể với các đối tượng trong trường học.

Như vậy, đối tượng được xác định cụ thể trong trường học là học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý trong nhà trường và phụ huynh học sinh. Có thể thấy rằng các đối tượng trong trường học là khác nhau, mỗi thân chủ là một cá thể riêng biệt với những vấn đề khác nhau. Chính vì vậy đòi hỏi Nhân viên

công tác xã hội cần mềm dẻo, linh hoạt trong việc áp dụng các kiến thức, kỹ năng khi thực hiện hoạt động can thiệp và trợ giúp.

Đã có nhiều đề tài nghiên cứu về Facebook với những phạm trù khác nhau, tiếp cận từ những hướng khác nhau từ mặt lợi, mặt hại mà FB mang lại cho người sử dụng và xã hội.

2.1. Những nghiên cứu trên Thế giới

Tác giả Diah Wisenberg Brin với bài “Internet làm thay đổi tư duy và hành vi của giới trẻ” trên tạp chí Magazin của nước Anh cho rằng các phương tiện truyền thông hiện đại đã góp phần làm thay đổi nhận thức và hành vi của giới trẻ, đặc biệt là internet, phương tiện làm thế giới xích lại quá gần nhau trên mọi phương diện”

Trong công trình nghiên cứu “Lý thuyết về hành vi được lên kế hoạch và áp dụng cho việc sử dụng các trang web mạng xã hội của những người trẻ” tác giả Pelling. EL thuộc Đại học công nghệ Queensland Úc đã nhận định rằng việc sử dụng mạng xã hội không chỉ chịu ảnh hưởng bởi thái độ mà còn phụ thuộc bởi các yếu tố thuộc về bản sắc của con người nói chung và giới trẻ nói riêng. Việc phát hiện vấn đề này có thể được sử dụng để thiết kế các chiến lược nhằm mục đích giúp giới trẻ thay đổi mức độ sử dụng MXH của bản thân.

Luận án tiến sĩ Adrian D. Pearson “Phương tiện truyền thông ảnh hưởng đến hành vi sai lệch trong trường Trung học” Luận án với câu hỏi đặt ra, tại sao hiện nay đối với đối tượng là học sinh trung học lại có nhiều hành vi lệch chuẩn như vậy. Đặc biệt đối với các nước phát triển vấn đề này lại có chiều hướng gia tăng. Trong đó Mỹ có khuynh hướng tăng cao trong những năm gần đây và liệu có một mối tương quan mà ảnh hưởng từ các phương tiện truyền thông đến những hành vi chống đối xã hội. Qua đó giúp cung cấp những yếu tố giúp các nhà hoạt động xã hội kiểm soát hành vi của cá nhân.

Việc sử dụng mạng xã hội ở một số nước châu Âu: Khảo sát ở các quốc gia Pháp, Đức, Ý, La Mã, Tây Ban Nha, cho thấy 95% người được khảo sát có sử dụng MXH, chiếm một tỉ lệ lớn. Trong đó trang MXH phổ biến và được sử dụng nhiều nhất đó là Facebook.

Prof. Dr. BahireEfe (2012) với tác phẩm “Thái độ của sinh viên Đại học đối với việc sử dụng MXH” ở Thổ Nhĩ Kỳ cho thấy phần lớn sinh viên cảm thấy vui khi sử dụng MXH và họ dành khá nhiều thời gian trong một ngày để sử dụng MXH, việc sử dụng MXH để giải trí, giao, tiếp, học tập với họ khá dễ dàng.

Tại Ấn Độ với bài viết: Nghiên cứu đề nâng cao hiểu biết về mạng xã hội - trung tâm nghiên cứu về việc sử dụng MXH ở Ấn Độ đã tìm hiểu về nhận thức MXH và hành vi sử dụng. Qua bài viết tác giả nhận ra được những kẽ hở của mạng xã hội từ đó có thể khai thác và phân tích những yếu tố tiêu cực và tích cực của MXH, đề xuất cải tiến thích hợp. Facebook là MXH phổ biến nhất ở Ấn Độ (93.26% người sử dụng MXH). Điều được yêu thích nhất ở Facebook đó là sử dụng dễ dàng, giao diện thân thiện với người dùng (46.07%). Tiếp đó là khả năng chia sẻ và kết nối người dùng (43.82%). Điều không thích ở Facebook đó là tính riêng tư (29.21%).

Kết quả nghiên cứu của một nhóm các giáo sư tâm lý đến từ Đại học Michigan, Hoa Kỳ và Đại học Leuven, Bỉ đã chỉ ra kết quả rằng “Càng tương tác nhiều với FB tâm lý càng tồi tệ” và Nghiện FB khiến người dùng ít thỏa mãn với cuộc sống của mình hơn. Trong nghiên cứu này, một số sinh viên đại học tình nguyện tham gia sẽ báo cáo lại tần suất sử dụng Facebook cùng với đó là tâm trạng hiện tại của mình 5 lần một ngày, liên tiếp trong 2 tuần. Kết quả là người dùng Facebook nhiều thường đi kèm với nhiều cảm xúc tiêu cực hơn nhóm còn lại.

Một nghiên cứu được công bố trên trang Psychology Today đã chứng minh rằng “Rình mò” người khác trên Fb chỉ làm bạn cảm thấy tồi tệ hơn. Nhiều khả năng cảm thấy ghen tị là căn nguyên của tâm lý kể trên bởi trên Facebook không ít người đăng tải những cập nhật về cuộc sống tưởng như vô cùng hoàn hảo và vui vẻ của mình.

Theo nhận định của nhà nghiên cứu Dar Meshi thuộc trường Đại học Freie, Berlin, Đức, mỗi một nút like hoặc một bình luận tích cực nhận được sau khi đăng tải cập nhật có vai trò như một món quà khích lệ não bộ người dùng.

Nghe có vẻ trái ngược với một số nhận định được đề cập ở trên, thế nhưng “Lên Facebook để cảm thấy hạnh phúc hơn” là kết luận của một tổ chức khá uy tín tại Anh có tên Chartered Institute for IT với hơn 70.000 thành viên ở 120 quốc gia.

Asnat Dor & Dana Weimann-Saks (2012), trường Cao đẳng học viện Kinnerer tại Israel đã nghiên cứu việc sử dụng mạng xã hội ở học sinh: thái độ, hành vi và nhận thức. Nghiên cứu đã phân tích nhóm học sinh 13 tuổi ở Israel. Các phân tích đi sâu vào các khía cạnh trong cuộc sống hàng ngày của học sinh ở gia đình và ở trường. Giữa mối quan hệ cha mẹ con cái và việc sử dụng mạng xã hội trước hay sau cha mẹ và thường thì chúng được ưu tiên sử dụng máy tính gia đình như một công cụ hỗ trợ học tập đặc lực. Nhưng phần lớn nhóm học sinh này sử dụng máy tính để sử dụng mạng xã hội để kết bạn, lập nhóm hội,... Trong đó nghiên cứu sự quan sát của cha mẹ học sinh với hành vi, thái độ và nhận thức của học sinh.

Có thể thấy rằng các vấn đề liên quan đến internet, trong đó mạng xã hội đặc biệt Facebook là một trong vấn đề được được quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chưa cụ thể hóa về các hành vi sử dụng đối với học sinh, còn trên bình diện lí thuyết. Đặc biệt khi

lí giải về các hành vi của con người khi sử dụng và đặc biệt là những ảnh hưởng của hành vi sử dụng MXH đối với hoạt động cá nhân, cũng như đối với xã hội chưa được xã hội quan tâm nhiều. Rõ ràng, đây là những thách thức mới cần quan tâm giải quyết.

2.2. Nghiên cứu trong nước

Bài viết "Nghiên cứu về hành vi sử dụng Facebook của con người - một thách thức mới cho tâm lí học hiện đại" của tác giả Đào Lê Hòa An đã chỉ ra việc sử dụng mạng xã hội hiện nay là một tất yếu, khi mà với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và internet này, sự tiếp cận với Facebook trở nên dễ dàng và sức hút ngày càng lớn với những gì nó hấp dẫn giới trẻ và những lợi ích của nó mang lại..tuy nhiên, việc lạm dụng mạng xã hội đã và đang để lại rất nhiều hệ lụy và tác hại khôn lường. Đây cũng là định hướng của nhóm nghiên cứu khi thực hiện đề tài, nghiên cứu việc sử dụng Facebook để có những cái nhìn tổng quan hơn về hoạt động sử dụng mạng xã hội đối với lứa tuổi học sinh.

Tác giả Nguyễn Thị Hậu (2010), với bài viết Mạng xã hội với lối sống của giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh. Mạng xã hội với sự xuất hiện với những tính năng đa dạng, nguồn thông tin phong phú đã cho phép người dùng hiện nay có thể tiếp nhận, cũng như chia sẻ và chọn lọc thông tin một cách dễ dàng không phân biệt khó khăn về không gian cũng như thời gian. Nó giúp nâng cao vai trò của mỗi người công dân trong việc tạo lập quan hệ và tự tổ chức xoay quanh những mối quan tâm chung trong những cộng đồng thúc đẩy sự liên kết các tổ chức xã hội. Tác giả đã nêu rõ ảnh hưởng của mạng xã hội đến lối sống giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, thông qua việc tìm hiểu nhu cầu, mục đích và hình thức sử dụng mạng xã hội góp phần giúp các bạn trẻ có thể cải thiện được việc sử dụng MXH của mình.

Tác giả Nguyễn Văn Thọ (2011) có viết bài: “Suy nghĩ về tính tự chủ của học sinh trong thời đại thông tin và truyền thông đa phương tiện”. Trong đó đã đề cập đến việc sự du nhập và sử dụng truyền thông đa phương tiện như hiện nay, các nhà tâm lý đang nhìn về khía cạnh cảm xúc và hành vi. Các phương tiện truyền thông đa phương tiện là biểu hiện của sự phát triển công nghệ của nền văn minh hiện đại. Với tác dụng vô cùng to lớn của nó, nhiều người, nhất là thanh niên đã bị ảnh hưởng rất nhiều vào cuộc sống hàng ngày, trở thành công cụ đắc lực phục vụ công việc của họ... Bản thân internet là tốt nhưng MXH có thể ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực do bản thân chính mỗi chúng ta sử dụng.

Cùng năm 2011, tác giả Lê Minh Công đã nghiên cứu “Tác động của internet đến nhận thức và hành vi giới tính, tình dục ở thanh thiếu niên”. Nghiên cứu cho thấy internet xuất hiện giúp cho mỗi cá nhân thể hiện được cái tôi trong tình dục và giới tính với người khác, trên các trường hợp lâm sàng, các phân tích đã cho thấy internet làm thay đổi tiêu cực đến các mối quan hệ cuộc sống, gia đình, học tập, công việc,..làm một bộ phận thanh thiếu niên có những nhận thức sai lệch về giới, hành vi tình dục và các mối quan hệ.

Đề tài “Nhu cầu sử dụng mạng xã hội của sinh viên Cao đẳng Sư phạm Thái Bình”, luận văn Thạc sỹ Tâm lý học của Đặng Thị Nga (2013) đã khái quát chung về tình hình sử dụng MXH của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình. Qua nghiên cứu đề tài đã chỉ ra rằng, MXH trong xã hội ngày nay đóng một vai trò to lớn trong đời sống của mỗi người và có ảnh hưởng lớn đối với hoạt động sống và học tập của sinh viên.

Tác giả Đoàn Thùy Dương đã nghiên cứu Đề tài: Sinh viên và mạng xã hội Facebook: Một phân tích về tiến triển vốn xã hội. Nghiên cứu đã tiến hành phân tích đánh giá từ đó nêu bật được thực trạng sinh viên với mạng xã hội Facebook, từ đó chỉ ra khía cạnh về tiến triển vốn xã hội. Đề tài đã

chỉ ra một hướng tác động mới của mạng xã hội Facebook với giới trẻ đặc biệt là sinh viên.

Trong đề tài luận văn “Tình hình sử dụng Facebook của giới trẻ ngày nay” do học viên Đỗ Thị Minh Hằng thực hiện đã chỉ ra tình hình sử dụng Facebook của giới trẻ nói chung, những tích cực mà FB đem lại cho giới trẻ, và cả những tiêu cực còn tồn tại. Đồng thời nghiên cứu còn đề xuất một vài giải pháp khắc phục tình trạng sử dụng FB chưa hiệu quả.

Trong đề tài luận văn “Nghiên cứu hành vi sử dụng Facebook của sinh viên” do nhóm sinh viên trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh thực hiện dưới sự hướng dẫn của Th.s Nguyễn Thị Diệu Linh đã làm rõ thực trạng sử dụng FB của sinh viên hiện nay một cách chưa hiệu quả, bên cạnh đó còn là nguồn thông tin hữu ích cho những ai đã và đang sử dụng FB với mục đích marketing, biết được những đánh giá của sinh viên về FB, đồng thời chỉ ra những tồn tại và giải pháp khắc phục tình trạng sử dụng FB chưa đúng cách.

Tóm lại, tính tới thời điểm hiện tại có rất nhiều đề tài trên Thế giới và Việt Nam nghiên cứu về FB, những tác động của Fb tới người dùng, những tác hại con người có thể gặp phải khi dùng Fb không đúng cách,.. tuy nhiên có rất ít đề tài nghiên cứu về vai trò nhân viên Công tác xã hội trong việc hỗ trợ học sinh Trung học cơ sở sử dụng Facebook, đây là nhóm đối tượng linh hoạt trong việc tiếp cận với những phát minh mới đầy sáng tạo của công nghệ thông tin nhưng lại ít tuổi, dễ va vấp, dễ tác động nhất nếu không được định hướng và giáo dục tốt. Bởi vậy, nghiên cứu sẽ kế thừa chọn lọc từ các thành tựu hệ thống lý luận nghiên cứu đã được công bố, để từ đó làm sáng tỏ những luận điểm nhận thức cá nhân về vấn đề chưa được quan tâm, đó là vấn đề liên quan đến vai trò tất yếu, cần thiết của Nhân viên xã hội trong hỗ trợ học sinh THCS sử dụng FB hiệu quả và hợp lý nhất.

3.Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu lý luận và thực tiễn nhằm đánh giá vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ học sinh THCS Chu Văn An, tỉnh Thái Nguyên sử dụng hiệu quả trên cơ sở thực trạng sử dụng Facebook của học sinh tại trường.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu:

Tìm hiểu thực trạng sử dụng FB của học sinh trường THCS Chu Văn An.

Đề xuất các giải pháp từ Công tác xã hội nhằm giúp các em học sinh sử dụng FB một cách hiệu quả và tích cực hơn.

4 Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Vai trò nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ học sinh trường Trung học cơ sở Chu Văn An tỉnh Thái Nguyên sử dụng hiệu quả Facebook.

4.2 Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi không gian: trường THCS Chu Văn An

Phạm vi thời gian: Từ tháng 01/2019 đến tháng 7/2019

Khách thể: 204 học sinh của 4 khối 6,7,8,9 trường THCS Chu Văn An

Nội dung: Vai trò nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ học sinh trường Trung học cơ sở Chu Văn An tỉnh Thái Nguyên sử dụng hiệu quả Facebook

5 Phương pháp nghiên cứu

5.1 pháp Phương phân tích tài liệu

Đây là phương pháp nghiên cứu sử dụng chủ yếu trong đề tài để tổng quan về tình hình sử dụng FB. Việc phân tích tài liệu giúp thu được những thông tin sau:

Cơ sở lý luận liên quan đến chủ đề nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu đã công bố trên các công trình nghiên cứu

Chủ trương và chính sách liên quan đến nội dung nghiên cứu
Số liệu thống kê về thực trạng sử dụng FB

Việc điểm luận các tài liệu sẽ giúp thu thập những kiến thức chung về vấn đề sử dụng FB, thực trạng sử dụng FB đã được nghiên cứu từ trước đến nay. Từ đó, sẽ giúp cho người thực hiện nghiên cứu nhận biết được một số vấn đề về hệ quả và những nguy hiểm, thách thức của người sử dụng nói chung, cũng như đối với học sinh trường THCS Chu Văn An nói riêng.

Ngoài nghiên cứu những tài liệu đã xuất bản, tôi còn tìm hiểu và phân tích một số website, bài báo, những bài chia sẻ đánh giá của những cá nhân, nhóm đã tìm hiểu trước đó để tích lũy thêm những kinh nghiệm nghiên cứu, những kết quả đã được đánh giá, kết luận trước đó.

5.2 Phương pháp quan sát

Quan sát là phương pháp tri giác có mục đích, có kế hoạch một sự kiện, hiện tượng, quá trình (hay hành vi cử chỉ của con người) trong những hoàn cảnh tự nhiên khác nhau nhằm thu thập những số liệu, sự kiện cụ thể đặc trưng cho quá trình diễn biến của sự kiện, hiện tượng đó.

Thông qua phương pháp quan sát, tôi trực tiếp tiến hành quan sát một cách công khai tần suất học sinh sử dụng FB

Ý nghĩa của phương pháp là: Quan sát là phương thức cơ bản để nhận thức sự vật. Quan sát sử dụng một trong hai trường hợp: phát hiện vấn đề nghiên cứu: đặt giả thuyết kiểm chứng giả thuyết. Quan sát đem lại cho người nghiên cứu những tài liệu cụ thể, cảm tính trực quan, song có ý nghĩa khoa học rất lớn, đem lại cho khoa học những giá trị thực sự.

Vận dụng phương pháp quan sát vào nghiên cứu nhằm tìm hiểu thực trạng sử dụng FB của học sinh, từ sử dụng đến sử dụng, nhằm đánh giá kết

quả nghiên cứu số liệu với quan sát thực tế từ đó rút ra kết luận chính xác nhất, phục vụ quá trình đề xuất giải pháp hiệu quả từ Công tác xã hội.

5.3 Phương pháp phỏng vấn sâu

Phỏng vấn sâu là những cuộc đối thoại được lặp đi lặp lại giữa nhà nghiên cứu và người cung cấp thông tin nhằm tìm hiểu cuộc sống, kinh nghiệm và nhận thức của người cung cấp thông tin thông qua chính ngôn ngữ của người ấy.

Đây là một nghiên cứu định tính, bên cạnh những nghiên cứu số liệu thì phỏng vấn sâu cho phép nghiên cứu nhìn nhận và đánh giá chi tiết hơn về những quan điểm của người sử dụng, từ việc hiểu suy nghĩ, nhìn nhận từ người sử dụng sẽ giúp người thực hiện nghiên cứu khách quan hơn, khai thác những giải pháp triệt để hơn đối với quá trình nghiên cứu.

5.4 Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi

Bảng hỏi là hệ thống các câu hỏi được xếp đặt trên cơ sở các nguyên tắc: tâm lý, logic và theo nội dung nhất định nhằm tạo điều kiện cho người được hỏi thể hiện được quan điểm của mình với những vấn đề thuộc về đối tượng nghiên cứu và người nghiên cứu thu nhận được các thông tin cá biệt đầu tiên đáp ứng các yêu cầu của đề tài và mục tiêu nghiên cứu.

Bảng hỏi là công cụ quan trọng trong nhận thức thực nghiệm. Nó là sự thể hiện bên ngoài của chương trình nghiên cứu.

Bảng hỏi được coi là phương tiện để lưu giữ thông tin: Thông tin cá biệt được ghi nhận trên bảng hỏi, vì vậy bảng hỏi là cơ sở vật chất cho sự tồn tại của thông tin. Thông tin được lưu giữ có thể được sử dụng cho những lần khác trong các nghiên cứu sau này.

Bảng hỏi là chiếc cầu nối giữa người nghiên cứu và người trả lời. Một mặt, chịu sự tác động của người nghiên cứu khi đưa các vấn đề, các mục tiêu

ngiên cứu vào. Mặt khác, nó cũng chịu ảnh hưởng của người trả lời (làm sao để câu trả lời khách quan)

Việc thu thập thông tin, nếu không sử dụng bảng hỏi sẽ trở nên tùy tiện, không có trật tự, thiếu nội dung thống nhất, hoặc sẽ làm thông tin thu được không ăn khớp với đề tài và mục tiêu nghiên cứu

6. Những đóng góp mới của luận văn

Luận văn làm rõ thực trạng sử dụng Facebook với đối tượng cụ thể là học sinh THCS.

Những đề xuất can thiệp từ phía Công tác xã hội nhằm góp phần giảm thiểu tình trạng sử dụng FB của học sinh THCS

Góp phần cải thiện chất lượng học tập của học sinh mà vẫn đảm bảo việc tham gia mạng xã hội một cách hiệu quả nhất

7. Kết cấu luận văn

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài

Chương 2: Thực trạng sử dụng Facebook của học sinh trường THCS Chu Văn An tỉnh Thái Nguyên

Chương 3: Đề xuất những giải pháp từ nhân viên Công tác xã hội hỗ trợ học sinh trường THCS Chu Văn An, tỉnh Thái Nguyên sử dụng Facebook hiệu quả

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1.1 Khái niệm

1.1.1 Khái niệm mạng xã hội

Nếu sử dụng từ khóa “mạng xã hội” và tìm kiếm từ khóa đó trong Google, sẽ nhận được khoảng 253 triệu kết quả. Điều đó khẳng định rằng cụm từ mạng xã hội là cụm từ rất quen thuộc trong thế giới của những người sử dụng Internet tại Việt Nam hiện nay. Nhưng để định nghĩa mạng xã hội là gì, tính năng và những ưu điểm của mạng xã hội thì hiện nay có rất nhiều quan điểm khác nhau.

Như vậy mạng xã hội có thể ngầm hiểu là một thế giới ảo (xã hội ảo) với các thành viên là các cư dân mạng. Cách để các cư dân mạng liên kết với nhau có thể dựa trên các nhóm (group), dựa trên các thông tin cá nhân, dựa trên sở thích cá nhân hoặc lĩnh vực quan tâm.

Theo nhà xã hội học Laura Garton, nhà nghiên cứu chiến lược trường đại học Toronto thì “khi một mạng máy tính kết nối mọi người hoặc các cá nhân tổ chức lại với nhau thì đó chính là mạng xã hội”

Mạng xã hội, tiếng Anh: *Social networking service* là dịch vụ nối kết các thành viên cùng sở thích trên Internet lại với nhau với nhiều mục đích khác nhau không phân biệt không gian và thời gian. Những người tham gia vào dịch vụ mạng xã hội còn được gọi là cư dân mạng.

Mạng xã hội, hay còn có thể biết đến dưới những tên gọi khác như "cộng đồng ảo" hay "trang hồ sơ", là một trang web mang mọi người đến với nhau để nói chuyện, chia sẻ ý tưởng và sở thích, hay làm quen với những người bạn mới.

Dịch vụ mạng xã hội có những tính năng như chat, e-mail, phim ảnh, voice chat, chia sẻ file, blog và xã luận. Mạng đổi mới hoàn toàn cách cư dân

mạng liên kết với nhau và trở thành một phần tất yếu của mỗi ngày cho hàng trăm triệu thành viên khắp thế giới. Các dịch vụ này có nhiều phương cách để các thành viên tìm kiếm bạn bè, đối tác: dựa theo group (ví dụ như tên trường hoặc tên thành phố), dựa trên thông tin cá nhân (như địa chỉ e-mail hoặc screen name), hoặc dựa trên sở thích cá nhân (như thể thao, phim ảnh, sách báo, hoặc ca nhạc), lĩnh vực quan tâm: kinh doanh, mua bán...

1.1.2. Khái niệm mạng xã hội Facebook.

Hiện nay khi Internet đã được phủ sóng rộng rãi tới khắp mọi miền đất nước thì các dịch vụ như: giải trí, thư giãn cũng được cập nhật thường xuyên. Trong đó không thể không kể tới mạng Facebook đang gây bão đối với nhiều người sử dụng Internet hiện nay. Facebook thực chất cũng chỉ là một kênh giao lưu, trò chuyện giữa mọi người với nhau như: Yahoo, Skype, hay Twitter, hoặc Blog... thế nhưng nó lại có khả năng gây nghiện với nhiều người dùng. Trước hết, ta cần phải hiểu xem Facebook là gì? Facebook chính là một mạng lưới xã hội ảo, là nơi trò chuyện, nơi thư giãn, giải trí, hay chia sẻ cũng như thổ lộ tâm trạng mỗi người. Có thể nói facebook chính là một thế giới vừa thực, mà cũng vừa ảo. Ở đó chúng ta dễ dàng "chat", "chém gió", nói chuyện phiếm với bạn bè và cũng có rất nhiều nổi tiếng đã được biết tới thông qua mạng lưới này. Bên cạnh đó chúng ta có thể kinh doanh, tích lũy thêm nhiều kiến thức mới về nhiều chủ đề khác nhau.

Facebook là một website dịch vụ mạng xã hội và truyền thông xã hội do công ty Facebook, Inc điều hành với trụ sở tại Menlo Park, California. Mark Zuckerberg lập trang Facebook ngày 4 tháng 2 năm 2004 cùng với bạn bè là sinh viên khoa khoa học máy tính và bạn cùng phòng Eduardo Saverin, Andrew McCollum, Dustin Moskovitz và Chris Hughes khi Mark còn là sinh viên tại Đại học Harvard. Tên Facebook bắt

nguồn từ cuốn sổ có hình mặt (face book) của tất cả các sinh viên trong các trường đại học Mỹ.

Việc đăng ký thành viên website ban đầu chỉ giới hạn cho sinh viên ở Harvard, nhưng đã được mở rộng sang các trường đại học khác tại khu vực Boston, Ivy League, và Đại học Stanford. Sau đó nó được mở rộng hơn nữa cho sinh viên thuộc bất kỳ trường đại học nào, rồi đến học sinh phổ thông và cuối cùng là bất cứ ai trên 13 tuổi. Sau khi Facebook mở rộng ra toàn thế giới thì độ tuổi tối thiểu có được thay đổi phù hợp theo từng đặc thù của từng quốc gia.

Tính đến tháng 9 năm 2012, Facebook hiện có hơn một tỷ người sử dụng tích cực trên khắp thế giới. Với con số ấy, Facebook là mạng xã hội phổ biến nhất, tiếp theo sau là MySpace và Twitter. Con số này tiếp tục tăng, đạt 1.19 tỷ người dùng hoạt động thường xuyên vào tháng 10 năm 2013, 1.44 tỷ người dùng vào tháng 4 năm 2015, 1.71 tỷ người dùng vào tháng 7 năm 2016, 1.94 tỷ người dùng vào tháng 3 năm 2017, 2 tỷ người dùng vào tháng 6 năm 2017 và 2.2 tỷ người dùng vào tháng 1 năm 2018. Hiện tại, Facebook có số lượt truy cập đứng thứ hai trên toàn thế giới chỉ sau Google.

Facebook có thể truy cập được từ hầu như mọi thiết bị có khả năng kết nối Internet, từ máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng cho đến điện thoại thông minh. Sau khi đăng ký tài khoản trên Facebook, người dùng có thể tạo ra một hồ sơ tùy chỉnh cho biết tên của họ, nghề nghiệp, trường học... Người dùng có thể Thêm bạn bè (hay *Add Friends*), trao đổi tin nhắn, đăng *status*, chia sẻ ảnh, video và liên kết, cũng như nhận thông báo về hoạt động của những người dùng khác. Ngoài ra, người dùng cũng có thể tham gia vào các nhóm cộng đồng giữa những người cùng có một sở thích chung nào đó (được gọi là *Fanpage*) giúp họ có thể tương tác với những

người dùng khác dễ hơn. Người dùng cũng có thể phân loại bạn bè của họ, báo cáo hoặc chặn những người khó chịu.

Facebook đã gặp phải một số tranh cãi trong những năm qua. Nó đã bị cấm một thời gian tại một số quốc gia, trong đó có Syria, Trung Quốc và Iran.

Hầu hết doanh thu của Facebook có từ các quảng cáo xuất hiện trên phần newfeed, tiếp cận tiếp thị cho khách hàng đến người dùng và cung cấp các cơ hội quảng cáo có tính chọn lọc cao.

Facebook cũng đã bị cấm tại nhiều công sở để hạn chế nhân viên tốn thời gian sử dụng dịch vụ mà không chú tâm làm việc. Quyền riêng tư trên Facebook cũng là một vấn đề gây nhiều tranh cãi. Do khối lượng lớn dữ liệu cá nhân mà người dùng gửi đến dịch vụ này, Facebook đã bị các tổ chức quan tâm đến quyền riêng tư theo dõi chặt chẽ.

1.1.3. Khái niệm học sinh.

Học sinh hay học trò là những thiếu niên hoặc thiếu nhi trong độ tuổi đi học (6-18 tuổi) đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, hoặc trung học phổ thông.

Học sinh là đối tượng cần được giáo dục của gia đình và nhà trường vì vậy thông thường học sinh được tạo điều kiện đi học ở gần nhà.

Hiện nay giáo dục học sinh đang là chủ đề gây nhiều tranh cãi trong xã hội. Xã hội ngày càng phát triển, học sinh càng có nhiều cơ hội tiếp cận nhiều thông tin cả tích cực lẫn tiêu cực. Các thế hệ học sinh trước đây chủ yếu không có nhiều cơ hội tiếp xúc với mạng máy tính, mạng Internet, thời gian chủ yếu là đi học và phụ giúp gia đình. Học sinh ngày nay hiểu biết sớm hơn, phát triển thể chất và tâm hồn nhanh hơn, và thường xuyên bị tác động tiêu cực từ xã hội hơn.

1.1.4. Khái niệm học sinh trung học cơ sở.

Học sinh trung học cơ sở (cũng được gọi là trung cấp hoặc trung học) là một giai đoạn giáo dục có trong một số quốc gia và diễn ra giữa tiểu học và trung học phổ thông. Các khái niệm, quy định và phân loại của trường trung học, cũng như tuổi bảo hiểm thay đổi khác nhau giữa các cấp giáo dục và thay đổi trong từng quốc gia.

Tại Việt Nam, các trường trung học được gọi đầy đủ là trường trung học cơ sở (THCS). Trung học cơ sở gồm có bốn lớp là 6, 7, 8 và 9, ở cấp độ từ 11 đến 15. Trước đây nó thường được gọi là trường phổ thông cơ sở.

1.1.5. Khái niệm công tác xã hội

Nghề Công tác xã hội (CTXH) đã và đang có vai trò quan trọng đối với sự phát triển bình đẳng và tiến bộ của mỗi quốc gia và nhân loại. Đặc biệt, nghề CTXH góp phần giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của từng cá nhân, từng nhóm nhỏ và cộng đồng những người yếu thế. CTXH là một nghề mới ở Việt Nam, hầu như mọi người còn lạ lẫm với tên gọi của nghề. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của đất nước, nghề CTXH đã được công nhận là một nghề với nhiều công việc đáp ứng nhu cầu phục vụ xã hội.

Qua nghiên cứu các tài liệu liên quan cho thấy có khá nhiều khái niệm về CTXH được đưa ra ở nhiều góc độ khác nhau. Theo Hiệp hội cán bộ xã hội quốc tế và Hiệp Hội các trường đào tạo CTXH quốc tế định nghĩa: “Nghề CTXH thúc đẩy sự phát triển xã hội, giải quyết các vấn đề trong các mối quan hệ, tạo khả năng và giải phóng con người nhằm thúc đẩy phúc lợi. Sử dụng các học thuyết về hành vi con người và các hệ thống xã hội, CTXH can thiệp vào những thời điểm khi con người tương tác với các môi trường của mình. Nhân quyền và công lý trong xã hội là những nguyên tắc nền tảng của CTXH”.

Theo Từ điển CTXH của Barker R.L(1995) thì “CTXH là một khoa học ứng dụng nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của con người, tạo ra những chuyển biến xã hội và đem lại nền an sinh cho người dân trong xã hội”. Theo Luật CTXH của Philippine “CTXH là một nghề bao gồm các hoạt động cung cấp dịch vụ nhằm thúc đẩy hay điều phối các mối quan hệ xã hội và sự điều chỉnh hòa hợp giữa cá nhân và môi trường xã hội để có xã hội tốt đẹp”, pháp luật của Philippine cũng đã quy định về điều này. Theo tác giả Nguyễn Thị Oanh “CTXH là một hoạt động thực tiễn, mang tính tổng hợp được thực hiện và chi phối bởi các nguyên tắc, phương pháp hỗ trợ cá nhân, nhóm và cộng đồng giải quyết vấn đề. Theo tác giả Bùi Thị Xuân Mai: “CTXH là một nghề, một hoạt động chuyên nghiệp nhằm trợ giúp các cá nhân, gia đình và cộng đồng nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu và tăng cường chức năng xã hội, đồng thời thúc đẩy môi trường xã hội về chính sách, nguồn lực và dịch vụ nhằm trợ giúp cá nhân, gia đình và cộng đồng giải quyết và phòng ngừa các vấn đề xã hội góp phần bảo đảm an sinh xã hội”. Cho dù có sự khác nhau, nhưng nhìn chung các khái niệm đều nói đến khía cạnh tác động tích cực của CTXH nhằm tạo ra sự thay đổi của xã hội, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho tất cả mọi người, đặc biệt là nhóm người yếu thế, góp phần bảo đảm nền an sinh xã hội cho mọi người dân, hướng tới tiến bộ và công bằng xã hội. Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn này, tác giả nhận thấy khái niệm CTXH của tác giả Bùi Thị Xuân Mai thể hiện được đầy đủ các nội dung về CTXH do vậy luận văn lựa chọn sử dụng khái niệm này trong nghiên cứu.

1.1.5.1 Khái niệm công tác xã hội đối với học sinh sử dụng Facebook

Công tác xã hội đối với học sinh sử dụng Facebook là một bộ phận của công tác xã hội nói chung. Công tác xã hội từ giáo dục có thể làm việc trực tiếp với học sinh thông qua các hoạt động tư vấn, tham vấn, giúp học sinh nâng cao nhận thức và hành động phù hợp để giúp học sinh tự giác tiếp cận

các dịch vụ xã hội và có cơ hội phát triển toàn diện cả về thể chất, đạo đức và tri thức.

1.1.5.2 Khái niệm nhân viên công tác xã hội

Nhân viên xã hội (social worker) được Hiệp hội các nhà CTXH chuyên nghiệp quốc tế (IASW) định nghĩa như sau: “NVCTXH là người được đào tạo và trang bị các kiến thức, kỹ năng CTXH, họ có nhiệm vụ trợ giúp các đối tượng nâng cao khả năng giải quyết và đối phó với vấn đề trong cuộc sống, tạo cơ hội để các đối tượng tiếp cận được nguồn lực cần thiết, thúc đẩy sự tương tác giữa cá nhân với môi trường tạo ảnh hưởng tới chính sách xã hội, các cơ quan, tổ chức vì lợi ích của cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng thông qua hoạt động nghiên cứu và thực tiễn”. Theo Thuật ngữ Lao động - Xã hội: NVCTXH là những người được đào tạo chuyên môn về CTXH để hỗ trợ cá nhân và cộng đồng tiếp cận các chính sách và dịch vụ xã hội. Từ những khái niệm trên cho thấy NVCTXH là người được đào tạo về chuyên môn (kiến thức và kỹ năng). NVCTXH là người trợ giúp cá nhân, gia đình, làm việc nhóm, cộng đồng giải quyết vấn đề khó khăn của họ; kết nối họ với các dịch vụ và nguồn lực trong xã hội; thúc đẩy cung cấp dịch vụ trợ giúp và sử dụng nguồn lực có hiệu quả; tham gia vào xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách an sinh xã hội.

1.1.6 Khái niệm về vai trò nhân viên Công tác xã hội học đường

Vai trò xã hội của một người có nghĩa là người đó phải đảm nhận hay thể hiện đầy đủ các hành vi, nghĩa vụ, hệ thống chuẩn mực trên cơ sở vị thế của người đó. Đồng thời họ cũng nhận được những quyền lợi xã hội tương ứng với việc thực hiện vai trò của họ.

Vai trò nhân viên công tác xã hội với học sinh sử dụng Facebook

- Giúp giải quyết những căng thẳng và khủng hoảng thần kinh
- Tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm trí

- Giúp học sinh khai thác và phát huy những điểm mạnh và thành công trong học tập, đặc biệt với quá trình sử dụng Facebook

- Có được năng lực cá nhân và xã hội, cụ thể là giúp các em giảm những hành vi như: không hoàn thành việc học tập; hung hăng, gây gổ với bạn, không kiểm soát được mình; không có quan hệ với bạn đồng lứa và người lớn; bị lạm dụng thể chất; chán học; bị trầm cảm; có những dấu hiệu, hành vi tự tử.

1.2. Đặc điểm tâm lý xã hội của học sinh Trung học cơ sở

Lứa tuổi học sinh THCS (lứa tuổi thiếu niên) là một giai đoạn chuyển tiếp trong sự phát triển của con người diễn ra giữa giai đoạn trẻ em và tuổi trưởng thành. Đây là lứa tuổi có bước nhảy vọt về thể chất lẫn tinh thần, cho phép tạo nội dung cơ bản và sự khác biệt đặc thù về mọi mặt phát triển: thể chất, trí tuệ, giao tiếp, tình cảm, đạo đức... của các em.

Lứa tuổi học sinh THCS bao gồm những em có độ tuổi từ 11 - 15 tuổi. Đó là những em đang theo học từ lớp 6 đến lớp 9 ở trường THCS. Lứa tuổi này còn gọi là lứa tuổi thiếu niên và nó có một vị trí đặc biệt trong quá trình phát triển của trẻ em.

Đây là thời kì quá độ từ tuổi thơ sang tuổi trưởng thành, thời kì trẻ ở "ngã ba đường" của sự phát triển. Trong đó có rất nhiều khả năng, nhiều phương án, nhiều con đường để mỗi trẻ em trở thành một cá nhân. Trong thời kì này, nếu sự phát triển được định hướng đúng, được tạo thuận lợi thì trẻ em sẽ trở thành cá nhân thành đạt, công dân tốt. Ngược lại, nếu không được định hướng đúng, bị tác động bởi các yếu tố tiêu cực thì sẽ xuất hiện hàng loạt nguy cơ dẫn trẻ em đến bên bờ của sự phát triển lệch lạc về nhận thức, thái độ, hành vi và nhân cách.

Thời kì mà tính tích cực xã hội của trẻ em được phát triển mạnh mẽ, đặc biệt trong việc thiết lập các quan hệ bình đẳng với người lớn và bạn ngang hàng, trong việc lĩnh hội các chuẩn mực và giá trị xã hội, thiết kế tương lai của mình và những kế hoạch hành động cá nhân tương ứng.

Ngay các tên gọi của thời kì này: thời kì “quá độ”, “tuổi khó khăn”, “tuổi khủng hoảng”... đã nói lên tính phức tạp và quan trọng của những quá trình phát triển diễn ra trong lứa tuổi thiếu niên. Sự phức tạp thể hiện qua tính hai mặt của hoàn cảnh phát triển của trẻ. Một mặt có những yếu tố thúc đẩy phát triển tính cách của người lớn. Mặt khác, hoàn cảnh sống của các em có những yếu tố kìm hãm sự phát triển tính người lớn: Phần lớn thời gian các em bận học, ít có nghĩa vụ khác với gia đình; nhiều bậc cha mẹ quá chăm sóc trẻ, không để các em phải chăm lo việc gia đình...

Ở lứa tuổi thiếu niên có sự tồn tại song song “vừa tính trẻ con, vừa tính người lớn” ,điều này phụ thuộc vào sự phát triển mạnh mẽ về cơ thể, sự phát dục, điều kiện sống, hoạt động...của các em. Mặt khác, ở những em cùng độ tuổi lại có sự khác biệt về mức độ phát triển các khía cạnh khác nhau của tính người lớn, điều này do hoàn cảnh sống, hoạt động khác nhau của các em tạo nên. Hoàn cảnh đó có cả hai mặt:Những yếu điểm của hoàn cảnh kìm hãm sự phát triển tính người lớn: trẻ chỉ bận vào việc học tập, không có những nghĩa vụ khác, nhiều bậc cha mẹ có xu thế không để cho trẻ hoạt động, làm những công việc khác nhau của gia đình, của xã hội. Những yếu tố của hoàn cảnh thúc đẩy sự phát triển tính người lớn: sự gia tăng về thể chất, về giáo dục, nhiều bậc cha mẹ quá bận, gia đình gặp khó khăn trong đời sống, đòi hỏi trẻ phải lao động nhiều để sinh sống. Điều đó đưa đến trẻ sớm có tính độc lập, tự chủ hơn.

Đối với một số em, tri thức sách vở làm cho các em hiểu biết nhiều, nhưng còn nhiều mặt khác nhau trong đời sống thì các em hiểu biết rất ít.

Có những em ít quan tâm đến việc học tập ở nhà trường, mà chỉ quan tâm đến những vấn đề làm thế nào cho phù hợp với xu hướng, coi trọng việc giao tiếp với người lớn, với bạn lớn tuổi để bàn bạc, trao đổi với họ về các vấn đề trong cuộc sống, để tỏ ra mình cũng như người lớn. Ở một số em khác không biểu hiện tính người lớn ra bên ngoài, nhưng thực tế đang cố gắng rèn luyện mình có những đức tính của người lớn như: dũng cảm, tự chủ, độc lập ... còn quan hệ với bạn gái như trẻ con. Trong những giai đoạn phát triển của con người, lứa tuổi thiếu niên có một vị trí và ý nghĩa vô cùng quan trọng. Đây là thời kỳ phát triển phức tạp nhất, và cũng là thời kỳ chuẩn bị quan trọng nhất cho những bước trưởng thành sau này. Thời kỳ thiếu niên quan trọng ở chỗ: trong thời kỳ này những cơ sở, phương hướng chung của sự hình thành quan điểm xã hội và đạo đức của nhân cách được hình thành, chúng sẽ được tiếp tục phát triển trong tuổi thanh niên.

Đời sống gia đình của học sinh trung học cơ sở: Đến tuổi này, các em đã có những vai trò nhất định, được gia đình thừa nhận như là một thành viên tích cực của gia đình, được cha mẹ, anh chị giao cho những trọng trách khá nặng nề như: chăm sóc các em nhỏ, nấu cơm, dọn dẹp nhà cửa, chăn nuôi gia súc,... Thậm chí khá nhiều em trở thành lao động chính, góp phần tăng thu nhập của gia đình, các em đã ý thức được các nhiệm vụ đó và thực hiện tích cực. Điều quan trọng và có ý nghĩa lớn đối với các em là cha mẹ không còn coi các em là bé nhỏ nữa, mà đã quan tâm đến ý kiến của các em hơn, dành cho các em những quyền sống độc lập hơn, đề ra những yêu cầu cao hơn, các em được tham gia bàn bạc một số công việc của gia đình và đã biết quan tâm đến việc xây dựng, bảo vệ uy tín của gia đình. Những sự thay đổi đó đã làm cho trẻ ý thức được vị thế của mình trong gia đình và động viên, kích thích các em hoạt động tích cực, độc lập, tự chủ.

Đời sống trong nhà trường của học sinh trung học cơ sở cũng có nhiều thay đổi. Hoạt động học tập và các hoạt động khác của các học sinh trung học cơ sở đòi hỏi và thúc đẩy các em có thái độ tích cực và độc lập hơn, tạo điều kiện cho các em thỏa mãn nhu cầu giao tiếp của mình. Vào học trường trung học cơ sở, các em được tiếp xúc với nhiều môn học khác nhau, có nội dung trừu tượng, sâu sắc và phong phú hơn, do đó đòi hỏi các em phải có sự thay đổi về cách học. Sự phong phú về trí thức của từng môn học làm cho khối lượng tri thức các em lĩnh hội được tăng lên nhiều, tầm hiểu biết của các em được mở rộng. Các em được học nhiều môn học do nhiều thầy, cô giảng dạy, cho nên phương pháp học tập thay đổi ở các bộ môn và mỗi thầy, cô có cách trình bày, có phương pháp độc đáo của mình. Thái độ say sưa, hứng thú học tập, lĩnh hội, phát triển trí tuệ, việc hình thành và phát triển cách lập luận độc đáo cùng những nét tính cách quý báu của các em đều do ảnh hưởng của cách dạy và nhân cách của người thầy. Các em được học với nhiều thầy, nhiều bạn, chịu ảnh hưởng của nhiều nhân cách, phong cách xử thế khác nhau. Các em được tham gia vào nhiều dạng hoạt động ở nhà trường như : lao động, học tập ngoài khóa, văn nghệ, thể thao.... Đời sống của học sinh trung học cơ sở trong xã hội: Ở lứa tuổi này các em được thừa nhận như một thành viên tích cực và được giao một số công việc nhất định trên lĩnh vực khác nhau như tuyên truyền cổ động, giữ trật tự đường phố, giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ, bổ túc văn hóa... Thiếu niên thích làm công tác xã hội: Có sức lực, đã hiểu biết nhiều, muốn làm được những công việc được mọi người biết đến, nhất là những công việc cùng làm với người lớn. Các em cho rằng công tác xã hội là việc làm của người lớn và có ý nghĩa lớn lao. Do đó được làm các công việc xã hội là thể hiện mình đã là người lớn và muốn được thừa nhận mình là người lớn. Hoạt động xã hội là hoạt động có tính chất tập thể, phù hợp với sở thích của thiếu niên. Do tham gia công tác xã hội, mà quan hệ của học sinh

trung học cơ sở được mở rộng, kinh nghiệm cuộc sống phong phú lên, nhân cách của thiếu niên được hình thành và phát triển.

Giao tiếp là hoạt động chủ đạo ở lứa tuổi thiếu niên. Giao tiếp của thiếu niên là một hoạt động đặc biệt. Qua đó, các em thực hiện ý muốn làm người lớn, lĩnh hội các chuẩn mực đạo đức- xã hội của các mối quan hệ. Lứa tuổi thiếu niên có những thay đổi rất cơ bản trong giao tiếp của các em với người lớn và với bạn ngang hàng.

Giao tiếp giữa lứa tuổi thiếu niên với người lớn: Nét đặc trưng trong giao tiếp giữa thiếu niên với người lớn là sự cải tổ lại kiểu quan hệ giữa người lớn - trẻ em ở tuổi nhi đồng, hình thành kiểu quan hệ đặc trưng của tuổi thiếu niên và đặt cơ sở cho việc thiết lập quan hệ của người lớn với người lớn trong các giai đoạn tiếp theo.

Tính chủ thể trong quan hệ giữa trẻ với người lớn rất cao, thậm chí cao hơn mức cần thiết. Các em có nhu cầu được tôn trọng cao trong quá trình giao tiếp với người lớn. Các em luôn đòi hỏi được bình đẳng, tôn trọng, được đối xử như người lớn, được hợp tác, cùng hoạt động với người lớn. Nếu người lớn ra lệnh với các em thì bằng cách này hay cách khác sẽ xuất hiện thái độ phản ứng tiêu cực, công khai hoặc ngầm ngấm. Mặt khác các em có khát vọng được độc lập, được khẳng định, không thích sự quan tâm, can thiệp của người lớn, không thích có sự kiểm tra, sự giám sát chặt chẽ của người lớn trong cuộc sống và trong học tập. Nếu được thoả mãn, thiếu niên sung sướng, hài lòng. Ngược lại, nếu khát vọng không được thoả mãn, sẽ nảy sinh ở các em nhiều phản ứng mạnh mẽ (do người lớn ngăn cản hoặc không tạo điều kiện để các em thoả mãn, dẫn tới quan hệ không ổn giữa thiếu niên với người lớn, tạo nên “xung đột” trong quan hệ giữa các em với người lớn). Học sinh THCS có thể không nghe lời, cãi lại người lớn, bảo vệ quan điểm riêng bằng lời nói, việc làm. Chống đối người lớn hoặc bỏ nhà ra đi...

Trong quan hệ với người lớn, ở thiếu niên thường xuất hiện nhiều mâu thuẫn. Trước hết là mâu thuẫn trong nhận thức và nhu cầu của trẻ em. Do sự phát triển mạnh về thể chất và tâm lí nên trong quan hệ với người lớn, thiếu niên có nhu cầu thoát li khỏi sự giám sát của người lớn, muốn độc lập. Tuy nhiên, do địa vị xã hội còn phụ thuộc, do chưa có nhiều kinh nghiệm ứng xử và giải quyết vấn đề liên quan trực tiếp tới hoạt động và tương lai cuộc sống nên các em vẫn có nhu cầu được người lớn gần gũi, chia sẻ và định hướng cho mình, làm gương để mình noi theo. Mặt khác là mâu thuẫn giữa sự phát triển nhanh, bất ổn định về thể chất, tâm lí và vị thế xã hội của trẻ em với nhận thức và hành xử của người lớn không theo kịp sự thay đổi đó. Vì vậy người lớn vẫn thường có thái độ và cách cư xử với các em như với trẻ nhỏ.

Trong tương tác với người lớn, thiếu niên có xu hướng cường điệu hoá các tác động của người lớn trong ứng xử hằng ngày. Các em thường suy diễn, thổi phồng, cường điệu hoá quá mức tầm quan trọng của các tác động đó, đặc biệt là các tác động liên quan đến danh dự và lòng tự trọng của các em. Trong khi đó, hành vi của chính các em có thể gây hậu quả đến tính mạng mình lai thường bị các em coi nhẹ. Vì vậy, chỉ cần một sự tác động của người lớn làm tổn thương chút ít đến các em thì trẻ thiếu niên coi đó là sự xúc phạm lớn, sự tổn thất tâm hồn nghiêm trọng, từ đó dẫn đến các phản ứng tiêu cực với cường độ mạnh.

Ở tuổi thiếu niên, giao tiếp với bạn đã trở thành một hoạt động thiêng liêng và chiếm vị trí quan trọng trong đời sống các em. Nhiều khi giá trị này cao đến mức đẩy lùi học tập xuống hàng thứ hai và làm các em sao nhãng cả giao tiếp với người thân. Khác với giao tiếp với người lớn (thường diễn ra sự bất bình đẳng), giao tiếp của thiếu niên với bạn ngang hàng là hệ thống bình đẳng và đã mang đặc trưng của quan hệ xã hội giữa các cá nhân độc lập.

Chức năng thông tin: Việc giao tiếp với các bạn ngang hàng là một kênh thông tin rất quan trọng, thông qua đó các em nhận biết được nhiều thông tin hơn ở người lớn. Chẳng hạn, phần lớn thông tin về vấn đề giới tính, thiếu niên thu nhận được từ các bạn ngang hàng.

Chức năng học hỏi: Nhóm bạn giúp thiếu niên phát triển các kỹ năng xã hội, khả năng lí luận, diễn tả cảm xúc. Đối thoại và tranh luận với bạn bè, các em học cách diễn tả ý nghĩ, cảm xúc, khả năng giải quyết vấn đề, học hỏi một cách thực tế việc biểu lộ tình cảm, sẵn sàng, thương yêu, làm giảm đi những nóng giận và những xúc cảm tiêu cực. Bạn bè làm cho các em tăng cường nhận định về giá trị đạo đức và các giá trị khác. Trong nhóm bạn, các em phải tự đánh giá những giá trị của chính mình và của các bạn và quyết định hành động, ứng xử hợp lí, kịp thời. Quá trình đánh giá này có thể giúp các em lĩnh hội được những chuẩn mực, giá trị đạo đức của xã hội.

Chức năng tiếp xúc, xúc cảm: Giao tiếp với bạn giúp thiếu niên trao đổi, tâm sự một cách "bí mật" những ước mơ, tình cảm lãng mạn, những vấn đề thầm kín liên quan đến phát dục... thậm chí cả những vấn đề không rõ chú đề, nhằm thoả mãn nhu cầu tiếp xúc xúc cảm. Việc được gặp nhau hằng ngày để giải bày tâm sự, để trao đổi các sự kiện, các cảm nhận và các suy tư của mình là nhu cầu nổi trội của tuổi thiếu niên, là niềm hạnh phúc về mặt tình cảm và sự ổn định xúc cảm quan trọng đối với các em. Việc có được sự tôn trọng, lắng nghe, đồng cảm, chia sẻ và yêu mến của bạn bè là điều có ý nghĩa rất lớn đối với lòng tự trọng của thiếu niên.

Chức năng thể hiện và khẳng định nhân cách cá nhân: Việc giao tiếp với bạn ngang hàng là cách tốt nhất để thiếu niên thể hiện và khẳng định cá tính, tính cách, xu hướng và trí tuệ của mình. Việc giao tiếp với bạn khác giới đã giúp các em khẳng định sự trưởng thành về giới tính của mình. Cách ứng

xử và thái độ của các em sẽ được phát triển trong quan hệ với bạn khác giới để chúng tổ sự trưởng thành của bản thân.

Bạn bè giúp nâng cao lòng tự trọng của thiếu niên: Nhóm bạn tốt thường tự hào về những điều họ đã làm. Lòng tự hào đúng lúc, đúng mức, niềm hạnh phúc vì có bạn đã làm lòng tự trọng của các em được nâng cao. Giáo dục lẫn nhau thông qua bạn ngang hàng là một nét đặc thù trong quan hệ của các em với bạn. Như vậy, bạn bè đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển tâm lí tình cảm, ứng xử của học sinh THCS. Giao tiếp với các bạn cùng giới và khác giới trong thời niên thiếu mở đầu cho cuộc sống trưởng thành ngoài xã hội. Quan hệ với bạn của thiếu niên là hệ thống độc lập và bình đẳng. Thiếu niên coi quan hệ với bạn là quan hệ thiêng liêng của cá nhân và các em muốn được độc lập, không muốn người lớn can thiệp. Trong quan hệ với bạn, vị thế của các em được bình đẳng, ngang hàng. Các em mong muốn bạn phải có thái độ tôn trọng, trung thực, cởi mở, hiểu biết và sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau. Học sinh THCS thích giao tiếp và kết bạn với những bạn học cùng lớp được nhiều người tôn trọng, dễ thông cảm, chia sẻ với bạn. Mọi vi phạm sự bình đẳng trong giao tiếp, trong quan hệ như kiêu căng, chơi trội, coi thường bạn... thường bị nhóm bạn lên án và tẩy chay.

Tóm lại, lứa tuổi học sinh Trung học cơ sở là tiền đề của giai đoạn xuất hiện những phức tạp, có nhiều thay đổi trong tâm sinh lý mang tính cá thể mà cha mẹ và nhà trường cần tìm hiểu, lắng nghe và thấu hiểu. Trong thời đại số, hội nhập quốc tế đem tới những nền văn minh công nghệ giúp các em có cơ hội được tiếp cận và lĩnh hội, nhưng đồng thời cũng là thách thức để các em phát huy hết những giá trị vốn có của nó. Bởi vậy gia đình và nhà trường cần nắm được những thay đổi của giai đoạn lứa tuổi này, từ đó có cách giáo dục và định hướng hiệu quả nhất dành cho các em.

1.3. Vai trò nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ học sinh sử dụng Facebook

Vai trò là người vận động nguồn lực trợ giúp học sinh THCS huy động nguồn lực bên ngoài tham gia xây dựng, tổ chức những nội dung phong phú bên cạnh việc học tập trên lớp.

Vai trò là người kết nối - khai thác, giới thiệu tới học sinh những sân chơi bổ ích, lý thú bên cạnh mạng xã hội Facebook, là cầu nối thông tin, chia sẻ giữa học sinh với gia đình, nhà trường và các dịch vụ chính sách mà học sinh được thụ hưởng.

Vai trò là người biện hộ/vận động chính sách giúp bảo vệ quyền lợi cho học sinh để các em được hưởng những dịch vụ, chính sách, quyền lợi của chính các em.

Vai trò là người giáo dục cung cấp kiến thức kỹ năng nâng cao hiểu biết về sử dụng Facebook qua tập huấn, giáo dục cá nhân, nhóm để các em có tự tin và tự mình đánh giá về những tính năng Facebook đem lại, chọn lọc nguồn thông tin chính xác, tin cậy giúp sử dụng Facebook hiệu quả.

Vai trò là người tham vấn giúp cho những học sinh lạm dụng Facebook, sử dụng Facebook chưa đúng mục đích thay đổi được nhận thức, hành vi, từ đó có thể đem lại những hiệu quả tích cực khi dùng Facebook.

Vai trò là người chăm sóc, người trợ giúp học sinh khi cung cấp những lượng thông tin, kiến thức bổ ích liên quan tới sử dụng Facebook.

Vai trò người tạo sự thay đổi về đời sống cũng như tư duy của học sinh trong trường học nhằm giúp học sinh nhận thức đúng về mặt lợi ích và tác hại khi sử dụng Facebook không đúng cách.

1.4. Các yếu tố tác động đến vai trò nhân viên Công tác xã hội

Yếu tố nội tại: Đây là những yếu tố xuất phát từ nhân viên Công tác xã hội tác động tới vai trò

Kiến thức và trình độ chuyên môn

NVCTXH đòi hỏi là những người được đào tạo, có kiến thức nghề nghiệp, biết sử dụng kiến thức đó vào việc giúp đỡ, hỗ trợ đối tượng và quan trọng hơn việc sử dụng kiến thức đó phải phù hợp với hoàn cảnh, với đối tượng và văn hóa địa phương. Vì vậy, NVCTXH ngoài đòi hỏi phải có kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ CTXH còn cần có phong kiến thức rộng.

NVCTXH phải có sự hiểu biết về đối tượng trợ giúp đó là học sinh , tìm hiểu vấn đề của họ đang gặp khó khăn để hỗ trợ ; đòi hỏi kiến thức chung về sự phát triển giáo dục xã hội, hiểu biết về các chương trình, chính sách của Trung ương hiện nay. Bên cạnh đó cần nhân viên CTXH cần trang bị kiến thức về mạng xã hội, cụ thể là Facebook, cách sử dụng FB hiệu quả từ đó có đầy đủ kiến thức để thực hiện trợ giúp học sinh.

Phẩm chất đạo đức

Chất lượng và hiệu quả vai trò trợ giúp cho đối tượng được quyết định bởi một phần bởi phẩm chất đạo đức của NVCTXH, vì hoạt động này chịu ảnh hưởng rất nhiều của mối quan hệ tương tác giữa con người với con người và đối tượng làm việc là đối tượng yếu thế. Các phẩm chất cần có của NVCTXH quy định tại Thông tư số 01/2017/TTBLĐTBXH ngày 02 tháng 02 năm 2017 do Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội ban hành.

Cần, kiệm, liêm, chính, không được lạm dụng các mối quan hệ với đối tượng để vụ lợi cá nhân ; cần xác định rõ ranh giới giữa cuộc sống các nhân và nghề nghiệp;

Tâm huyết, trách nhiệm với nghề, chủ động và sáng tạo trong vai trò hỗ trợ cho học sinh;

Kiên nhẫn, thấu hiểu, chia sẻ và quan tâm đến đối tượng ;

Đặt lợi ích của đối tượng là quan trọng nhất trong quá trình hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội;

Chịu trách nhiệm về các hoạt động nghề nghiệp của mình theo quy định của pháp luật ;

Giữ gìn sự đoàn kết với các đồng nghiệp, không lợi dụng, chia rẽ mối quan hệ giữa các đồng nghiệp;

Chăm sóc bản thân và xây dựng hình ảnh phù hợp để đảm bảo vai trò của mình chuyên nghiệp, hiệu quả;

Kỹ năng

CTXH là một ngành khoa học ứng dụng, nếu chỉ có kiến thức thôi thì chưa đủ, NVCTXH cần có kỹ năng nghề nghiệp, đây là công cụ cơ bản quan trọng giúp NVCTXH thực hiện được hoạt động tác nghiệp nhằm đem lại hiệu quả hoạt động hỗ trợ, tùy theo đối tượng, điều kiện, hoàn cảnh, văn hóa, tôn giáo, truyền thống ở từng địa phương mà NVCTXH sử dụng các kỹ năng một cách hợp lý trong từng giai đoạn cụ thể.

Kinh nghiệm

NVCTXH cần phải có nhiều trải nghiệm thực tế, kinh nghiệm trong hoạt động trợ giúp học sinh để có thể nhận diện vấn đề một cách khách quan, không ngừng trau dồi và học hỏi kinh nghiệm, vận dụng và tích lũy kiến thức từ thực tế công tác.

Yếu tố ngoại cảnh: Những yếu tố từ bên ngoài tác động tới vai trò của nhân viên Công tác xã hội. Đây là những yếu tố quan trọng trong việc hoàn thiện vai trò nhân viên Công tác xã hội hỗ trợ học sinh THCS, có bắt nguồn từ chính học sinh, từ phía gia đình, nhà trường, chính sách, và những yếu tố khác,... Nhân viên công tác xã hội cần tiếp cận, thu thập thông tin, đánh giá và tinh tế để hiểu về thân chủ, hiểu về những đặc tính riêng biệt để xử lý bất kì yếu tố ngoại cảnh nào tác động tới vai trò của mình.

1.5.Các lý thuyết áp dụng

1.5.1. Thuyết về nhu cầu con người

Theo thuyết Maslow, nhu cầu tự nhiên của con người được chia thành các thang bậc khác nhau từ “đáy” lên tới “đỉnh”, phản ánh mức độ “cơ bản” của nó đối với sự tồn tại và phát triển của con người vừa là một sinh vật tự nhiên, vừa là một thực thể xã hội

Học thuyết cấp bậc nhu cầu của Maslow.

Học thuyết của Mas Slow căn cứ vào các giả thiết:

Khi một nhu cầu nào đó được thỏa mãn thì nó không còn là yếu tố thúc đẩy nữa mà sẽ có nhu cầu khác nổi lên thay thế.

Hệ thống nhu cầu của con người rất đa dạng, tại một thời điểm luôn có một số nhu cầu khác nhau tác động lên hành vi của con người.

Những nhu cầu bậc thấp phải được thỏa mãn trước những nhu cầu bậc cao.

Có nhiều cách để thỏa mãn nhu cầu bậc cao hơn thỏa mãn nhu cầu bậc thấp.

Với giả thiết trên, Maslow đã đưa ra 5 cấp bậc nhu cầu :

Nhu cầu cơ bản

Nhu cầu an toàn

Nhu cầu quan hệ xã hội

Nhu cầu được tôn trọng

Nhu cầu tự hoàn thiện

Nhu cầu cơ bản: là nhu cầu ăn, mặc, ở,... Đây là cấp bậc nhu cầu thấp nhất, trong quá trình quản trị cần thỏa mãn trước tiên cho các thành viên. Khi những nhu cầu này chưa được thỏa mãn tới mức độ cần thiết để có thể duy trì cuộc sống thì những nhu cầu khác sẽ không thúc đẩy được mọi người

Nhu cầu an toàn: gồm nhu cầu về an toàn thân thể, sự ổn định, và được đảm bảo an ninh trong đời sống, tránh sự đe dọa, bệnh tật,...

Nhu cầu quan hệ xã hội: là những nhu cầu quan hệ về tình bạn, tình cảm gia đình, nhu cầu về mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội. Khi xem xét nhu cầu quan hệ xã hội, nhà quản trị cần chú ý mỗi con người với nhu cầu xã hội riêng cần sắp xếp các công việc phù hợp với tính cách và nhu cầu quan hệ xã hội của họ.

Để thỏa mãn nhu cầu quan hệ xã hội của mọi người cần tổ chức khuyến khích các hoạt động mang tính xã hội, tổ chức các hoạt động phong trào...

Nhu cầu được tôn trọng: là nhu cầu về lòng tự trọng, về sự thành đạt và được công nhận của mọi người. Để thỏa mãn nhu cầu này ở mỗi người, họ sẽ tìm cách thành đạt, khẳng định địa vị, uy tín của mình trong tổ chức. Khi một cá nhân nào đó xuất hiện nhu cầu này thì họ sẽ tự giác, tích cực làm việc nâng cao khả năng để đạt được thành công. Nhà quản trị cần đưa ra các cơ hội, các phần thưởng để họ có thể thể hiện khả năng, đạt được giá trị của chính họ.

Nhu cầu tự hoàn thiện: là cấp bậc nhu cầu cao nhất, gắn liền với sự phát triển, tự phát huy tiềm năng tiềm tàng của mỗi cá nhân. Những người xuất hiện nhu cầu này thường là những người có tinh thần tự giác cao, sáng tạo và có khả năng tự giải quyết các vấn đề. Nhà quản trị cần tạo điều kiện, tạo môi trường cho nhân viên tham gia giải quyết những công việc đòi hỏi khả năng đặc biệt, có tính sáng tạo.

Qua nghiên cứu các cấp bậc nhu cầu, người ta khuyến khích các thân chủ thỏa mãn nhu cầu bậc thấp trước sau đó sẽ thỏa mãn nhu cầu bậc cao. Nhu cầu bậc thấp, Nhu cầu bậc cao, Nhu cầu tự hoàn thiện, Nhu cầu quan hệ xã hội, Nhu cầu an toàn, Nhu cầu cơ bản, Nhu cầu được tôn trọng

1.5.2.Thuyết hành vi

Lý thuyết này cho rằng chúng ta không thể nghiên cứu được những gì mà chúng ta không thể quan sát trực tiếp được. Do vậy, tâm lý, ý thức con người không thể trở thành đối tượng nghiên cứu của lý thuyết hành vi. Các nhà hành vi chính thống cho rằng các tác nhân quy định phản ứng của con người, do đó qua các phản ứng có thể hiểu được các tác nhân. J. Waston – một đại diện tiêu biểu của lý thuyết hành vi trong tâm lý học đã đưa ra mô hình hành vi gồm một chuỗi kích thích và phản ứng:

S (tác nhân) → R (phản ứng)

Theo sơ đồ này thì hành vi chúng ta hoàn toàn máy móc, cơ học mà không có sự tham gia của ý thức hay một yếu tố nào khác.

Về sau trong quá trình phát triển thuyết hành vi, khái niệm hành vi dần được mở rộng và chứa đựng thêm nhiều yếu tố mới. Các nhà hành vi mới (hay còn gọi là các nhà hành vi xã hội) cho rằng giữa hai yếu tố tác nhân và phản ứng còn có các yếu tố trung gian được chia làm 2 loại là các nhu cầu sinh lý và các yếu tố nhận thức. Nhà xã hội học Mỹ G. Mead đưa ra luận điểm về bản chất xã hội của hành vi con người : “Hành vi xã hội không thể hiểu được nếu xây dựng nó từ các tác nhân và phản ứng. Nó cần được phân tích như một chỉnh thể linh hoạt, không một bộ phận nào của chỉnh thể được phân tích hoặc có thể được phân tích độc lập”. Điều này có nghĩa, hành vi xã hội là một thể thống nhất gồm các yếu tố bên trong và bên ngoài có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Như vậy, hành vi của con người là một tập hợp nhiều hành động (hay việc làm cụ thể) liên kết với nhau một cách hết sức phức tạp và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố bên trong (như tính cách, di truyền...) và các yếu tố bên ngoài (như kinh tế, văn hoá, xã hội, chính trị, môi trường...) dưới nhiều góc độ và mức độ khác nhau. Có 4 thành phần tạo nên mỗi hành vi của con

người, đó là: kiến thức, niềm tin, thái độ và thực hành. Mỗi hành vi là sự thể hiện của tất cả 4 thành phần bên trong một loạt các hành động có thể quan sát được nhằm đáp ứng một kích thích bên ngoài nào đó tác động lên cơ thể..

Tiểu kết chương

Chương 1 đã nghiên cứu về cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu. Thông qua quá trình nghiên cứu tài liệu tác giả đã trình bày một số khái niệm cơ bản của đề tài như khái niệm mạng xã hội, Facebook, học sinh THCS, các đặc điểm, mức độ biểu hiện, nhân viên Công tác xã hội, vai trò nhân viên CTXH trong trường THCS,... Đồng thời, đề tài cũng đã chỉ ra những yếu tố chủ quan, khách quan ảnh hưởng đến hành vi sử dụng MXH của học sinh. Một trong những khái niệm công cụ không thể thiếu khi nghiên cứu hành vi sử dụng mạng xã hội của học sinh là khái niệm học sinh và một số đặc điểm tâm lý cơ bản của học sinh ảnh hưởng đến hành vi sử dụng mạng xã hội của họ. Nội dung cuối cùng chúng tôi trình bày trong chương này là khái niệm và những lý thuyết áp dụng trong quá trình nghiên cứu để hỗ trợ tác giả thực hiện đề tài.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VÀ VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ HỌC SINH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN TỈNH THÁI NGUYÊN SỬ DỤNG FACEBOOK

2.1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Trường Trung học cơ sở Chu Văn An tổ 29 đường Hoàng Văn Thụ, Thái Nguyên (thành phố). Ngôi trường mang tên người thầy giáo Chu Văn An lỗi lạc. Trường THCS Chu Văn An Thái Nguyên là trường đạt chuẩn Quốc gia đầu tiên của thành phố Thái Nguyên bậc THCS giai đoạn 2001-2010. Hai mươi năm qua, cùng với sự phát triển của đất nước, những đổi thay của quê hương Thái Nguyên, các thế hệ thầy và trò nhà trường đã luôn cố gắng vượt lên mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ trong sự nghiệp trồng người rất vinh quang nhưng cũng đầy trọng trách này.

Ngày thành lập trường: 15-10-1990

Tên gọi: Trường cấp II Năng khiếu TP Thái Nguyên.

- Năm học 1997 - 1998, trường đổi tên thành Trường THCS Chu Văn An
- Tháng 10 năm 1999, theo Quyết định của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên, trường chuyển dần sang bán công.
- Năm học 2008 - 2009, trường chuyển về công lập mang tên Trường THCS Chu Văn An.

2.2. Thực trạng học sinh sử dụng Facebook tại trường THCS Chu Văn An, tỉnh Thái Nguyên

Hiện nay, FB hay các mạng xã hội không còn xa lạ với chúng ta. Nó được biết đến như một cuốn nhật ký online, thu hút sự tham gia đông đảo của giới trẻ trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Facebook càng ngày

càng được biết đến là một trang mạng xã hội nổi tiếng trên toàn thế giới và hiện đang tăng đột biến về số lượng người dùng tại Việt Nam. Facebook được sử dụng mọi lúc mọi nơi tạo ra sức hút tốc độ lan truyền mạnh mẽ đặc biệt là thu hút sự chú ý, tham gia của đông đảo các bạn học sinh, sinh viên. Khi mà nhu cầu kết bạn của giới trẻ tăng cao, lối sống ảo ngày càng phổ biến, hay nhu cầu được theo dõi những thân tượng, sự việc trở nên cần thiết thì việc số lượng người tham gia và phụ thuộc vào FB ngày càng tăng.

Theo thống kê của trang web wearesocial.net vào năm 2012 như sau: Số lượng người sử dụng Facebook tại Việt Nam là: 8.5 triệu người, tăng gấp 3 lần so với năm 2009. Trung bình cứ 3 giây có một người dân Việt Nam đăng ký tài khoản Facebook. Cũng theo trang này, độ tuổi sử dụng mạng xã hội Facebook chủ yếu là từ 13 đến 24, chiếm 71%. Người sử dụng mạng xã hội Facebook không phân biệt lứa tuổi, nhưng nhiều nhất, thường xuyên nhất, và bị ảnh hưởng nhất là giới trẻ, trong đó chủ yếu là lứa tuổi học sinh THPT, THCS. Tôi chọn trường THCS Chu Văn An, tỉnh Thái Nguyên làm thí điểm.

Trong cuộc khảo sát 204 bạn học sinh Trường THCS Chu Văn An về việc “Bạn có tham gia sử dụng mạng xã hội Facebook hay không?” thì có đến 85/100 ý kiến “có tham gia”, chiếm tỉ lệ 85%. Con số này cho thấy phần lớn học sinh đều biết đến và tham gia sử dụng mạng xã hội Facebook.

Việc sử dụng công nghệ thông tin và sử dụng mạng xã hội là nhu cầu chính đáng của tất cả mọi người. Thanh thiếu niên Việt Nam, Thái Nguyên nói chung và học sinh Trường THCS Chu Văn An nói riêng đã ứng dụng rất tốt những tiện ích mà công nghệ mang lại, phục vụ cho cuộc sống học tập, giải trí, giao lưu, kết bạn, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân trong cuộc sống hàng ngày. Một số bạn trẻ còn có khả năng kinh doanh trên Facebook với những mặt hàng khác nhau để đem lại nguồn lợi về kinh tế. Qua đó, các

bạn khẳng định được sự năng động, thể hiện được bản thân trước bạn bè, trước xã hội. Tuy nhiên, sử dụng mạng xã hội, lợi bất cập hại.

Kết quả khảo sát cũng đã phản ánh tỉ lệ cao số học sinh tham gia sử dụng mạng xã hội Facebook và các bạn đều có một tài khoản để tham gia chia sẻ cập nhập thông tin, hình ảnh và giao lưu kết bạn. Tuy nhiên có nhiều ý kiến cho rằng mạng xã hội facebook có rất nhiều tiêu cực dễ gây ảnh hưởng đến người tham gia sử dụng. Nhiều học sinh tại trường THCS Chu Văn An đã dành cho FB khoảng thời gian sử dụng quá lớn, qua khảo sát cho thấy học sinh hầu như thường xuyên cầm theo điện thoại để online FB, số học sinh online trên 3 tiếng/ ngày không hề chênh lệch nhiều với số lượng học sinh online dưới 1 tiếng

Bảng 2.1.: Thời gian sử dụng Facebook của học sinh trường THCS Chu Văn An

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|---------------------|----------|-----------|
| Dưới 1 tiếng | 50 | 24.5 |
| 1 - 3 tiếng | 53 | 26.0 |
| Trên 3 tiếng | 52 | 25.5 |
| Cả ngày | 49 | 24.0 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

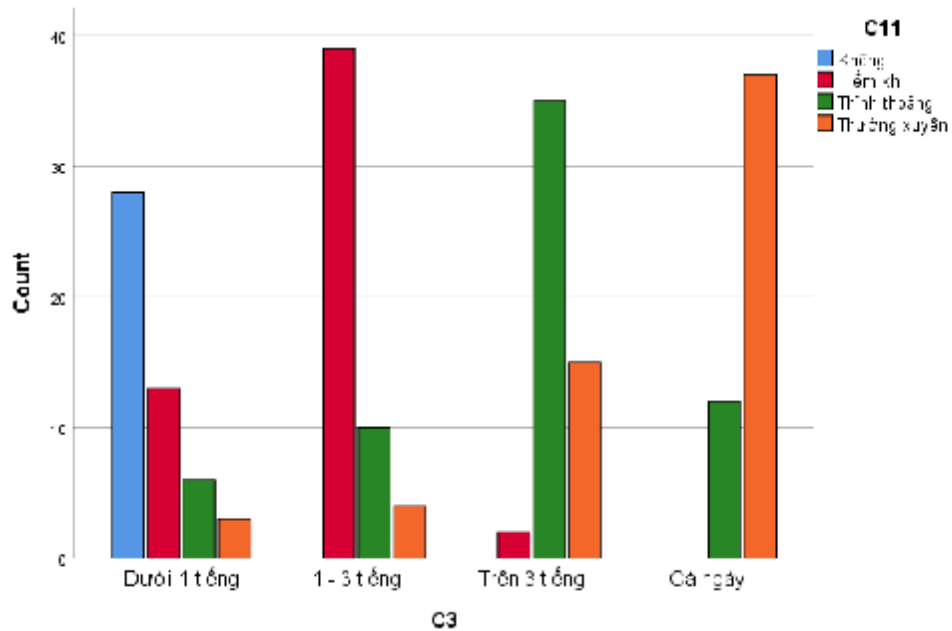
(Tác giả tự điều tra)

Dành quá nhiều thời gian cho mạng xã hội làm ảnh hưởng tới quỹ thời gian các em dành cho học tập. Ở lứa tuổi này việc học đối với các em là mục đích chính, phân chia thời gian hợp lý để sử dụng mạng xã hội hoặc dành khoảng thời gian rảnh để khám phá giao lưu, học hỏi cũng là điều rất cần thiết. Tuy nhiên, sử dụng thời gian như nào là hợp lý để không ảnh hưởng tới học tập và cuộc sống xung quanh là điều các em chưa xây dựng hợp lý.

Các chuyên gia sức khỏe thường nói ngồi nhiều hại chẳng kém hút thuốc lá bởi vô số căn bệnh liên quan đến nó và số người mà nó giết chết mỗi năm. Ngồi là một trong những điều tệ hại nhất chúng ta có thể gây ra cho sức khỏe. Nhưng điều quan trọng khác là điều chúng ta làm trong khi ngồi: lướt mạng xã hội, điển hình là Facebook, một cách vô thức, đôi lúc chỉ vài phút, sau đó kéo dài đến vài giờ.



Việc sử dụng FB liên tục trong nhiều giờ đã ảnh hưởng không nhỏ tới sức khỏe của học sinh, gây ra tình trạng nhức mỏi mắt, căng thẳng, giảm tập trung.



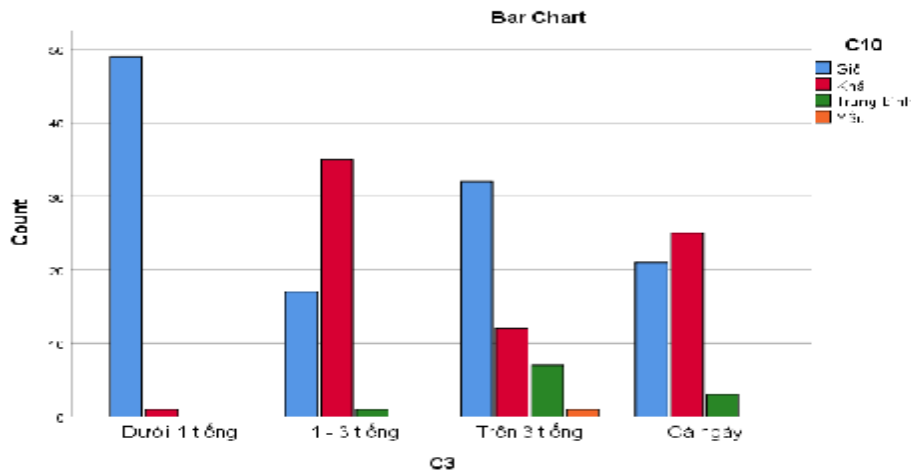
Biểu đồ 2.1. Thống kê thời gian sử dụng FB ảnh hưởng tới sức khỏe của học sinh (Tác giả tự điều tra)

Nhìn vào biểu đồ ta thấy tình trạng FB ảnh hưởng tới sức khỏe của học sinh tăng dần tương ứng với thời gian sử dụng. Các mức độ tăng dần từ không bao giờ đến thường xuyên gặp phải: nhức mỏi mắt, căng thẳng, mắt tập trung. Trên đây là những ảnh hưởng phổ biến mà học sinh gặp phải khi sử dụng FB trong khoảng thời gian lớn, đối với những trường hợp “lạm dụng” FB thường xuyên sẽ ảnh hưởng tới sức khỏe tâm thần nghiêm trọng, khiến người dùng trở nên “nghiện” FB, rơi vào trạng thái trầm cảm, gia tăng buồn bã, giảm hạnh phúc...

“Học tập” chính là mục tiêu chính của học sinh trong lứa tuổi này, những hoạt động vui chơi, giải trí được đan xen giúp học sinh thư giãn, phong phú hơn tâm hồn, thúc đẩy quá trình học tập, nâng cao kết quả học tập của học sinh. Tuy nhiên, lựa chọn hình thức giải trí, sắp xếp thời gian phù hợp lại là vấn đề không hề đơn giản. Điển hình trong nghiên cứu tại trường THCS

Chu Văn An, con số nghiên cứu đã chỉ ra việc dành nhiều thời gian cho FB đã ảnh hưởng tới kết quả học lực của các em rất nhiều.

Tại cột đầu tiên học sinh giỏi có 49 người dùng thời gian dưới 1 tiếng để sử dụng Facebook, các dòng tiếp theo của cột học sinh giỏi giảm dần, bên cạnh đó cột học sinh khá tăng lên theo số giờ học sinh sử dụng Facebook. Điều này cho biết học sinh có học lực giỏi dành ít thời gian sử dụng Facebook, học sinh càng dùng nhiều thời gian cho việc sử dụng Facebook tăng lên thì xu hướng học lực của những học sinh này giảm theo.



Biểu đồ 2.2. Liên hệ thời gian sử dụng và kết quả học tập khi sử dụng Facebook của học sinh trường THCS Chu Văn An (Tác giả tự điều tra)

Nhìn vào biểu đồ ta thấy cột học sinh giỏi giảm theo thời gian học sinh sử dụng Facebook (dành nhiều thời gian hơn học lực giảm theo), số lượng học sinh Khá, Trung bình dần xuất hiện nhiều hơn khi mà thời gian học sinh sử dụng Facebook nhiều hơn.

Học sinh kinh doanh trên FB, ngoài mặt lợi mang lại nguồn thu nhập cho các em thì chiếm khá nhiều thời gian đối với học sinh khi thường xuyên phải online tư vấn và bán hàng. Điều này khiến các em xao nhãng học hành. Bên cạnh đó còn những trường hợp các em học sinh giao lưu kết bạn này sinh

tình cảm “yêu đương” sớm, trò chuyện thường xuyên, không dành thời gian cho những hoạt động vui chơi, giải trí bổ ích khác.

Em M học sinh khối 9 cho biết: *“Em dùng Facebook thường xuyên vì ngoài lên FB lướt newfeed ra thì em không có gì để làm hết, lên đấy em còn chat với bạn bè, xem những clip hay ho, chứ không có FB chắc em chỉ biết ngủ thôi mất”*.

Trường hợp của em M là một trường hợp điển hình của việc các em dành quá nhiều thời gian cho FB. Lý do không có việc gì để làm như M chia sẻ chỉ là một trong số những nguyên nhân mà cá nhân các em đưa ra để giải thích cho việc mình dành thời gian thường xuyên cho FB. Bên cạnh việc online các em có thể học thêm những bộ môn yêu thích như vẽ, ca hát, thêu thùa, nhảy, múa,... Hoặc các em có thể nấu ăn những món mà mình thích, cắm hoa hoặc may vá,... Những bạn nam có thể bơi lội, tập gym hay tham gia một câu lạc bộ nào đó mà mình yêu thích,.. Không thể phủ nhận những lợi ích mà FB đem lại cho người dùng, nhưng việc dành tất cả thời gian cho mạng xã hội ảo mà quên đi những giá trị “thật” của cuộc sống thì là điều không nên.

Lượng thông tin, kiến thức trên mạng xã hội là vô vàn, chưa có một công cụ chính thống nào kiểm duyệt hoặc đảm bảo về mặt nội dung của những thông tin đó nên khi tiếp thu hoặc lĩnh hội thông tin các em học sinh với kinh nghiệm, vốn sống còn ít rất dễ tiếp cận những luồng thông tin “độc hại”, ảnh hưởng đến suy nghĩ và hành động của bản thân học sinh, mang đến những hệ quả không mong muốn.

Em H một học sinh khối 8 cho hay: *“Em rất thích xem những clip ngắn trên FB, đặc biệt là những clip phim về tình anh em, giang hồ chém nhau chi a!”* Đây chỉ là một trong nhiều nội dung hiện nay đang tràn lan trên FB có ảnh hưởng không tốt đến học sinh. Những “đàn anh giang hồ” này là những nhân vật có nhiều lượt theo dõi trên FB, thường thể hiện mình có rất nhiều

đàn em, đưa ra những quy tắc xã hội mang tính đàn anh, và giải quyết vấn đề bằng nắm đấm. Những em học sinh còn nhỏ tuổi, ở giai đoạn thiếu niên với đặc trưng thích trở thành người lớn, những tác động từ xã hội các em chưa đủ nhận thức để sàng lọc bởi vậy rất dễ bị ảnh hưởng, học theo hoặc làm theo nội dung đã xem từ FB. Bạo lực trên FB ảnh hưởng lớn đến nhận thức và hành động của trẻ, các em thể hiện bản thân, học tập giống hành động giang hồ, gây gổ đánh nhau với những bạn khác,.. gây mất đoàn kết nội bộ, ảnh hưởng đến môi trường học đường. Điển hình như tháng 3 năm 2019 vừa qua cả nước xôn xao về vụ việc 5 em học sinh lớp 9 hành hung bắt nạt và lột đồ một bạn cùng lớp vì mâu thuẫn nội bộ, toàn bộ quá trình hành hung được các em quay lại và truyền tay nhau trên mạng xã hội FB, sự việc khiến em học sinh bị hành hung rơi vào trạng thái hoảng loạn và nhập viện thần kinh điều trị. Chưa đủ nhận thức cùng với tư tưởng thích thể hiện, thích nhận được sự chú ý từ mọi người đã tác động tới các em học sinh, gây ra những hậu quả không đáng có.

Đặc biệt, qua khảo sát cho thấy các em học sinh thường xuyên chia sẻ cảm xúc cá nhân của mình lên FB. Việc chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ của mình lên mạng xã hội là điều hợp pháp, tuy nhiên việc chia sẻ này đã tạo thành một thói quen khiến các em học sinh vốn đã ít khi bộc bạch chia sẻ với bố mẹ, nay càng trở nên xa cách hơn khi thường xuyên online và dành nhiều thời gian cho ngôi nhà mang tên “trang cá nhân”. Càng sử dụng FB lâu học sinh càng ít dành thời gian cho gia đình. Cũng từ đây những câu chuyện riêng của trẻ trở nên biệt lập với gia đình, muốn hiểu con đang nghĩ gì thì không ít những người làm cha làm mẹ cũng phải thiết lập một tài khoản cá nhân FB để đăng nhập và rình mò con,.. trong khi đáng lý chính con mình sẽ là người chia sẻ với bố mẹ.

Những tác động tích cực và tiêu cực của mạng xã hội Facebook đối với học sinh trường THCS Chu Văn An

Những tác động tích cực:

Facebook giúp bạn kết nối bạn bè

Quá trình nghiên cứu cho thấy, học sinh trường THCS Chu Văn An đa số tham gia Facebook để chia sẻ thông tin cá nhân và cập nhật thông tin của bạn bè, người thân. Thông qua Facebook, các bạn đã có nơi để thể hiện mình và chia sẻ những điều khó nói cùng bạn bè. Facebook tạo cho phần đông nhóm đối tượng khảo sát sự thoải mái về tinh thần khi được chia sẻ những suy nghĩ về cuộc sống cá nhân hay các vấn đề xã hội. Facebook còn là một công cụ hữu hiệu để thể hiện cá tính bản thân. Vì thế, nhiều tài khoản Facebook của học sinh trường THCS Chu Văn An đã nhận được sự quan tâm của cộng đồng mạng. Facebook còn là một công cụ hỗ trợ cho học sinh mở rộng thêm mối quan hệ hay tìm kiếm lại những người quen biết. Trong cuộc khảo sát, tính năng “Kết bạn” là một trong tính năng được các bạn yêu thích sau tính năng “Chia sẻ thông tin, kinh doanh, trào lưu,..” chiếm 19,6%. Một số thành viên khác thì sử dụng Facebook để kinh doanh nhỏ (chủ yếu là quần áo, trang sức bán online) để tăng thêm thu nhập của bản thân. Điều này như một trải nghiệm thú vị đối với các bạn khi trực tiếp đàm phán, thuyết phục khách hàng mua những sản phẩm của mình thông qua Facebook. Có thể nói, đây là điều kiện giúp các bạn rèn luyện khả năng ứng xử trong kinh doanh thương mại điện tử. Ngoài ra một bộ phận nhỏ khác, thì sử dụng Facebook với tính chất giải trí.

***Bảng 2.3. Bảng mục đích sử dụng Facebook của học sinh trường
THCS Chu Văn An***

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|----------------|----------|-----------|
| Kết bạn | 40 | 19.6 |

| | | |
|--------------------------|-----|-------|
| Kinh doanh | 41 | 20.1 |
| Trào lưu | 41 | 20.1 |
| Chia sẻ thông tin | 39 | 19.1 |
| Ý kiến khác:... | 43 | 21.1 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

(Tác giả tự điều tra)

Bạn C khối 9 trường THCS Chu Văn An cho biết *“Facebook là nơi bạn ấy có thể giới thiệu bản thân cho mọi người biết bạn ấy đang nghĩ gì”*

Bạn Nguyễn Mai P lớp 9 chia sẻ *“Nhờ có Facebook mà giờ em không phải xin tiền tiêu vặt từ bố mẹ nữa, em tự kinh doanh đồ ăn vặt qua Facebook và được bạn bè ủng hộ lắm”*

Những tính năng của FB được học sinh trường THCS Chu Văn An sử dụng rất hiệu quả: truy cập thu thập thông tin, kiến thức phục vụ cho học tập, kết bạn và thể hiện bản thân, kinh doanh online thêm thu nhập,.. Bên cạnh đó FB còn giúp học sinh được tiếp cận và giao lưu với những nền văn hóa mới, kết bạn trên toàn thế giới, mở rộng tầm nhìn của bản thân.

Cập nhập thông tin nhanh chóng

Đây được đánh giá là tính năng “hấp dẫn” người dùng của facebook. Chẳng cần mua báo giấy hay mất thời gian theo dõi chương trình thời sự, bạn chỉ cần lấy điện thoại ra và vào Facebook là đã có thể cập nhật tin tức nóng hổi, những sự kiện mới nhất trong và ngoài nước.... Với facebook, học sinh có thể nắm bắt thông tin xã hội vô cùng nhanh chóng, và theo xu hướng phát triển của xã hội.

Facebook là công cụ giải trí hữu ích

Không những là nơi kết nối bạn bè và cập nhật thông tin, Facebook còn là một kênh giải trí hữu ích sau mỗi giờ học căng thẳng đầy mệt mỏi. Cụ thể, Facebook xuất hiện hàng trăm những video hài hước của các nước trên thế

giới, hàng ngàn những bức ảnh vui nhộn đầy sáng tạo của các bạn trẻ và hàng nghìn những đoạn phim cắt ra từ những tác phẩm điện ảnh kinh điển... có tác dụng giải trí cao. Ứng dụng này cũng là kho trò chơi khổng lồ đầy hấp dẫn được cập nhật thường xuyên, học sinh có thể tha hồ lựa chọn và chơi thỏa thích mà không hề thấy chán.

Địa điểm kinh doanh, mua bán lý tưởng

Những năm gần đây, facebook được xem là “mảnh đất màu mỡ” để những người thích kinh doanh có thể rao bán những mặt hàng của mình, và học sinh cũng không là ngoại lệ. Thực tế, có rất nhiều học sinh kinh doanh online và thành công, có thể tự kiếm ra tiền mà không cần bố mẹ chu cấp nhờ công việc kinh doanh đó. Bên cạnh đó, người mua hàng cũng sẽ rất thuận tiện khi chỉ cần ngồi nhà, chọn một mặt hàng trên Facebook và đợi người ta chuyển hàng đến chứ không cần phải mất công đi lựa chọn ở những cửa hàng xa xôi.

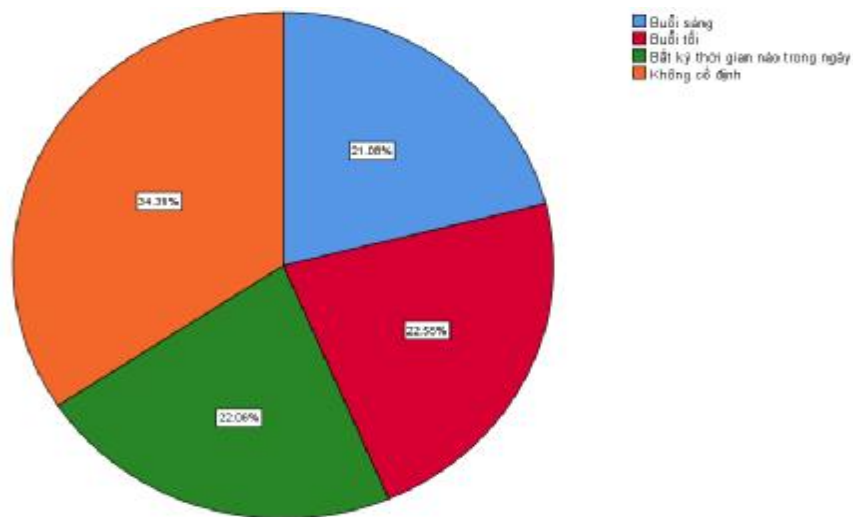
Phương tiện giáo dục và nuôi dưỡng tâm hồn

Facebook cũng là nơi bồi dưỡng tâm hồn, đời sống tình cảm của học sinh. Đây là nơi tập trung những thước phim cảm động đầy giá trị nhân sinh, những câu chuyện cảm động về tình người và cả những hình ảnh khơi gợi lên những cảm xúc tốt đẹp nhất về tình yêu, tình thương với căm ghét, lòng căm phẫn với cái xấu xa bạo ngược... tất cả có tác dụng to lớn trong việc hình thành nhân cách và tu dưỡng đạo đức của con người.

Những tác động tiêu cực

Bản thân Facebook không hề gây hại, được sinh ra với mục đích giúp ích người dùng, kết nối, tạo tương tác và đem lại những điều tốt đẹp cho mọi người. Tuy nhiên, vì con người sử dụng chưa đúng cách, sai mục đích đã gây ra nhiều tác động tiêu cực.

Kết quả của cuộc khảo sát cho thấy, đa số các học sinh trường THCS Chu Văn An sử dụng Facebook một cách thường xuyên (bất kỳ thời gian nào trong ngày và không cố định thời gian, chiếm 22,1% và 34,3%). Tác động tiêu cực lớn nhất mà khảo sát cho thấy đó là việc tốn thời gian. Khoảng thời gian sử dụng Facebook mỗi ngày từ 1 - 3 giờ đồng hồ và trên 3 tiếng đồng hồ chiếm đa số câu trả lời trong cuộc khảo sát.



Biểu đồ 2.3. Thời gian sử dụng Facebook của học sinh trường THCS Chu Văn An (Tác giả tự điều tra)

Bên cạnh đó, các bạn đó nhận thức được những tác động tiêu cực đến tâm lý, sinh lý của bản thân do việc lạm dụng Facebook như: nghiện Facebook dễ gây béo phì, ảnh hưởng đến thời gian, sức khỏe, công việc học tập và dễ bị ảnh hưởng bởi những thói hư, tật xấu... Ngoài ra, cũng có một bộ phận nhỏ các bạn học sinh không biết mục đích sử dụng Facebook là gì?. Tuy nhiên, vì sự rủ rê của bạn bè nên họ cũng tạo tài khoản để bắt kịp xu hướng. Học sinh dành khá nhiều thời gian cho việc truy cập Facebook, hạn chế các cuộc gặp gỡ, các hoạt động thực tế như: giao lưu, kết bạn, chia sẻ và học hỏi

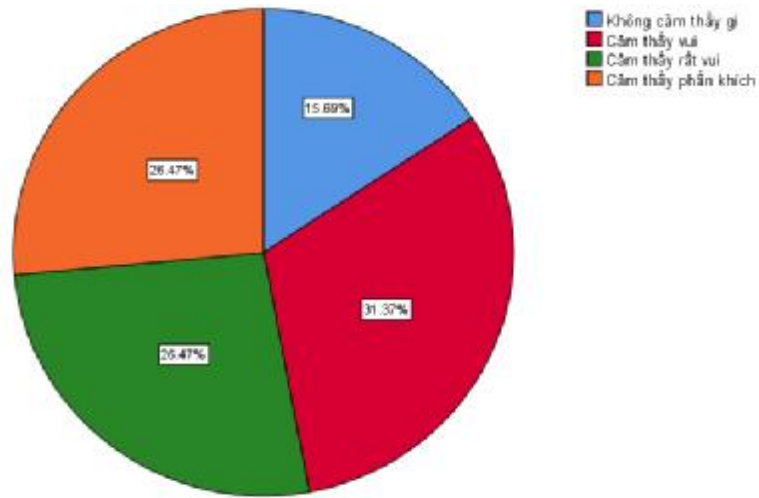
từ cuộc sống xung quanh. Những cuộc giao tiếp “ảo” đó làm hạn chế khả năng giao tiếp, ứng xử trong đời sống thường ngày của học sinh được khảo sát vì Facebook là nơi không quan sát được thái độ của người nghe. Ngoài ra, trên Facebook còn có những học sinh phát ngôn những lời lẽ thiếu văn hóa cũng tác động đến ý thức và khả năng ứng xử của các học sinh khác. Thậm chí có những bạn sử dụng mạng xã hội Facebook để nói xấu bạn bè và thầy cô. Bạn D lớp 9 chia sẻ: *“Nói xấu thầy cô là chuyện bình thường chị ơi! Lớp nào chả có một page riêng để xả trong đấy, có gì bức xúc cũng lên đấy viết hết chị ạ..”* Đặc biệt việc này diễn ra trên mạng xã hội FB một cách kín đáo, các thầy cô giáo nhà trường cũng như phụ huynh rất khó nắm bắt và kiểm soát được hành vi của con em mình. Học sinh luôn muốn mình được tự lập, được coi như mình đã trưởng thành, nhưng đối với lứa tuổi này, nhận thức chưa đủ để tự điều chỉnh hành vi nên vẫn luôn cần có sự định hướng của gia đình, nhà trường. Trước sự quan tâm cần có này của người lớn thì học sinh luôn “e ngại”, tạo cho mình một “vỏ bọc” thông qua các page để tự do chia sẻ quan điểm cá nhân mà mình cho là đúng trên đó.

Với những đối tượng thường sử dụng Facebook dưới 1 tiếng đồng hồ thì sẽ không bị tác động quá lớn khi thiếu Facebook. Còn với những đối tượng thường sử dụng Facebook từ 1 - 3 tiếng đồng hồ hoặc trên 3 tiếng đồng hồ thì sẽ phải chịu tác động lớn khi không sử dụng Facebook như: tốn thời gian, học tập sa sút, rơi vào trạng thái lệ thuộc, mất phương hướng... Em P lớp 8A1 cho hay *“Trên FB có nhiều bạn chửi bậy lắm ạ! Các bạn ấy tức bố mẹ cũng mang lên trên FB để xả chị ạ, nhưng các bạn ấy để chế độ nên mọi người không đọc được đâu chị.”* Đây chỉ là một trong nhiều trường hợp được chia sẻ về những hành vi chưa đúng của học sinh.

Sử dụng Facebook còn tạo ra những ảnh hưởng không tốt cho mắt. Mắt sử dụng nhiều điện thoại, máy tính để online sẽ dẫn đến tình trạng khô mắt và

những bệnh nguy hiểm khác về mắt. Nhưng nguy hiểm hơn thế, một loạt những căn bệnh về thần kinh cũng được kéo theo: lo âu, trầm cảm, tinh thần không ổn định.

Chính những thay đổi nhận thức về tâm lý đã dẫn đến sự thay đổi về hành vi của các bạn học sinh khi sử dụng Facebook. Việc dành nhiều thời gian sử dụng Facebook sẽ làm thay đổi thói quen hàng ngày của các bạn học sinh. Tác động của Facebook đã đi sâu vào tiềm thức của các bạn. Với sự hỗ trợ của những thiết bị điện tử hiện đại như: điện thoại thông minh, máy tính bảng... thì việc truy cập Facebook càng dễ dàng hơn. Kết quả khảo sát cho thấy, có tới 22,5% số học sinh biết đến Facebook thông qua bạn bè, 27,0% thông qua Internet, còn lại thông qua báo chí và các lý do khác. Điều đó cho thấy tiềm năng bản thân với những điều phù phiếm, với những bức ảnh được chỉnh sửa kỹ lưỡng, không ít những bạn học sinh tự nghĩ mình trở thành “hot boy”, “hot girl” trong mắt mọi người. Có những bạn lợi dụng mạng Facebook để “chém gió” ngày đêm về người khác, về gia đình, về trường lớp, về thầy cô, về bạn bè... chỉ để thu lại những lượt like và share từ mọi người. Đặc điểm tâm lý của lứa tuổi THCS đã chỉ rõ về nhu cầu thích được trở thành người lớn, được tin tưởng và nhận được sự quan tâm từ mọi người xung quanh, vì vậy việc nhận được nút like cũng là thể hiện quan điểm hay ảnh hoặc một vấn đề mà mình chia sẻ được mọi người quan tâm theo dõi. Điều này đã tạo ra “hội chứng thích like và share” của học sinh.



Biểu đồ 2.4. Thống kê mức độ cảm xúc của học sinh khi nhận được “Like và share” (Tác giả tự điều tra)

Nhìn vào biểu đồ ta thấy mức độ cảm xúc của học sinh khi nhận được nút “Like và share” theo tỉ lệ tăng dần. Có 31,4% học sinh cảm thấy vui khi nhận được like từ mọi người. Và 26,5% cảm thấy phấn khích bài viết của mình được like share. Nhận được sự quan tâm là trạng thái cảm xúc tự nhiên của con người, nhưng trên mức độ cảm xúc đấy, nếu học sinh cảm thấy phấn khích nhiều hơn thì đó là điều “không” bình thường. Lúc này học sinh rơi vào trạng thái “nghiện” FB không kiểm soát. Nhu cầu luôn mong muốn nhận được sự quan tâm nhiều hơn như thế, thúc đẩy bản thân mỗi lần đăng ảnh hay nội dung sẽ chỉnh sửa cầu kì, không giống thực tế, những nội dung đăng lên sẽ được bóp méo, sửa sang để thu hút gây ấn tượng với người đọc, người xem, từ đó nhận lại sự thỏa mãn về cảm xúc khi có nhiều like, share và comment.

Có một thực tế đáng báo động trong quá trình nghiên cứu và khảo sát được nhận ra đó là thực trạng sống “ảo” của học sinh. Rất nhiều học sinh sử dụng FB và coi trọng cuộc sống trên FB hơn cuộc sống thực. Sống “ảo” là

tính từ dùng để chỉ tính chất, phong cách sống của một ai đó không đúng với hoàn cảnh ngoài đời của họ thậm chí có phần thể hiện quá đà, thái quá, lộ bịch... trên mạng xã hội, Internet. Đôi khi Sống ảo dùng để chỉ những người mơ màng về cuộc sống thực tại. Các em có thể ngồi hàng giờ để nhắn tin với những người mới quen mà quên đi các bạn của mình. Đã gọi là thế giới ảo thì cuộc sống trong đó vô cùng đẹp và hấp dẫn. Mỗi người có thể xây dựng một ngôi nhà tuyệt đẹp trên đó và có rất nhiều người gọi là bạn. Các em xây dựng hình ảnh bản thân không đúng với thực tế chỉ nhằm được mọi người chú ý đến và quan tâm, khi nhận được like từ mọi người thì cảm thấy vui vẻ và hạnh phúc. Biểu hiện của sống “ảo” là “*Cuồng like*” đây là một biểu hiện phổ biến nhất hiện nay khi nói về sống ảo. Những học sinh này thường xuyên cập nhật trạng thái mọi lúc mọi nơi, dù vui hay buồn, từ chuyện lớn hay nhỏ của cá nhân cũng mang lên mạng xã hội để mong muốn có được sự quan tâm từ mọi người. Số lượt like chính là tiêu chuẩn để đánh giá con người. Ai có lượt like càng nhiều thì các em sẽ càng thích và thần tượng. “*Chụp ảnh, đăng hình tự sướng ở bất cứ đâu*”: Cho dù đi ăn, đi shopping, đi chơi, đi học các em luôn cầm điện thoại bên mình để “tự sướng” khi có thể. Sau đó em sẽ chọn ra tấm ảnh đẹp nhất để photoshop sao cho đẹp nhất có thể và vận dụng bộ não “thần thánh” của mình để nghĩ ra những caption sao cho thật “deep” rồi đăng lên mạng xã hội. Các em trông đợi và tin vào những lời tán thưởng của người bạn ảo, đồng thời sẽ rất tổn thương bởi những lời chê bai từ những người bạn xa lạ ấy. Đối với những bạn sống “ảo” thì điện thoại là vật bất li thân, luôn update những vật giá trị (có thể không đủ khả năng sở hữu) lên mạng xã hội để mọi người vào yêu thích và theo dõi. Sống ảo mang lại rất nhiều những hậu quả đối với các em học sinh như: sẽ tiêu tốn thời gian của mình vào những giá trị vô bổ, học sinh sống với những thông tin không thực tế, không

mang lại giá trị thực cho cuộc sống, các em sẽ phải chịu những tổn hại nặng nề về tâm lý và tâm hồn khi đối mặt với cuộc sống thực tại.

Lứa tuổi học sinh THCS vẫn còn rất non nớt và chưa đủ sự chín chắn để làm chủ bản thân; chưa đủ kinh nghiệm để vượt qua những lời nói, hành động gây tổn thương tinh thần của người khác, đặc biệt khi những hành động ấy diễn ra liên tục và phổ biến trên diện rộng. Những đứa trẻ ấy sẽ bị khốn quẫn trong suy nghĩ, không biết chia sẻ cùng ai, để rồi tìm đến những hành động khờ dại làm tổn thương bản thân và gia đìnhchiếm tỉ lệ khá lớn trong cộng đồng Facebook.

Tổng hợp những ảnh hưởng từ sử dụng FB:

| Lý do nên hạn chế dùng FB | Nguyên nhân |
|----------------------------------|---|
| Thị lực giảm sút | Điều này là quá rõ ràng và ai cũng hiểu. Khi bạn tập trung vào màn hình liên tục trong suốt nhiều giờ liền, mắt của bạn sẽ phải làm việc cật lực và gây ra mỏi mắt. Nếu tiếp tục kéo dài, thị lực của bạn sẽ giảm. Còn việc nguy hiểm hơn nữa là sử dụng điện thoại vào đêm khuya khi đèn đã tắt hết. Theo nghiên cứu thì tỉ lệ bị bệnh về mắt hoặc đáng ngại hơn là dẫn tới mù lòa là nguy cơ cao để mắc phải. |
| Mất ngủ | Các khảo sát cho thấy ánh sáng của màn hình phát ra khi bạn sử dụng điện thoại nhiều sẽ làm cho não đánh lừa là chưa tới giờ ngủ. Vì vậy, bạn sẽ cảm thấy khó ngủ hoặc mất ngủ khi sử dụng chúng trên giường. Tốt nhất, nên để các thiết bị điện tử xa khu vực ngủ của bạn để bảo đảm sức khỏe mình được tốt nhất. |
| Giảm sự tập trung | Học sinh chẳng còn tập trung vào việc học được khi cứ nôn nao xem ai có đăng gì lên facebook không, hay hình ảnh của mình được bao nhiêu like rồi,... Các bạn ấy chỉ để tâm trí của mình trên trang mạng ảo đấy và rồi bạn chẳng làm được việc gì ngoài đời cả. Kể |

| | |
|--|--|
| | <p>cả phụ giúp ba mẹ việc nhà hay com nước bạn cũng chẳng thể tập trung được. Không những thế, việc đăng hình ảnh lên mạng sẽ làm bạn đắm chìm càng sâu khi phải bắt kịp theo xu thế của mọi người (phải đăng liên tục này nọ để được chú ý đến). Nó cứ kéo bạn lún sâu ngày càng nhiều và khó để bạn dứt ra được.</p> |
| <p>Anh hưởng điều xấu trên mạng</p> | <p>Mạng facebook là nơi để mọi người kết nối với nhau, cùng chia sẻ nhưng thông tin hay kinh nghiệm của bản thân mình. Thế nhưng, ngày nay mọi người sử dụng facebook không còn đúng theo mục đích ban đầu nữa. Họ đăng lên bất cứ điều gì kể cả việc lăng nhục, hạ thấp hay hại người khác một cách thân nhiên.</p> |
| <p>Giảm tương tác giữa người với người</p> | <p>Hiện nay, nghiện mạng xã hội đang là thực trạng phổ biến, khiến nhiều học sinh dành ít thời gian cho mọi người thật việc thật ở quanh mình. Bên cạnh đó, nó cũng khiến bố mẹ, bạn bè buồn phiền khi bạn coi trọng bạn bè “ảo” hơn cuộc sống thực. Dần dà, làm giảm tương tác giữa người với người trong đời sống thực tế.</p> |
| <p>Tăng mong muốn gây chú ý</p> | <p>Có thể thấy, việc đăng những status mơ hồ nhằm câu like và view không còn là chuyện lạ, song nó thực sự khiến người khác phát</p> |

| | |
|----------------------------|---|
| | bực nếu quá thường xuyên. Bên cạnh đó, mạng xã hội cũng góp phần tăng sự ganh đua, sự cạnh tranh không ngừng nghỉ để tìm like và notification sẽ cướp đi đáng kể quỹ thời gian của bạn. |
| Xao nhãng mục tiêu cá nhân | Việc quá chú tâm vào mạng xã hội dễ dàng làm người ta quên đi mục tiêu thực sự của cuộc sống. Thay vì tìm kiếm công việc trong tương lai bằng cách học hỏi những kỹ năng cần thiết, học sinh lại chỉ chăm chú để trở thành “anh hùng bàn phím” và nổi tiếng trên mạng. |
| Tăng nguy cơ trầm cảm | Một số kết quả nghiên cứu cho thấy, những người sử dụng mạng xã hội càng nhiều thì càng cảm thấy tiêu cực hơn, thậm chí có thể dẫn đến trầm cảm. Chính vì thế, nếu học sinh có biểu hiện thường xuyên cảm thấy mất tinh thần, có lẽ đã đến lúc tạm biệt Facebook trong một thời gian. |
| Giết chết sự sáng tạo | Mạng xã hội cũng có thể làm tê liệt và giết chết quá trình sáng tạo của học sinh. Quá trình lướt những trang mạng xã hội có tác động làm tê liệt não bộ tương tự như khi xem tivi trong vô thức. Trong thời gian dài, có thể gây ảnh hưởng đến sự sáng tạo của người dùng. |
| Bạo lực trên mạng | Thời gian gần đây, “Anh hùng bàn phím” |

| | |
|------------------------------------|---|
| | <p>không còn là một cụm từ xa lạ. Người ta cảm thấy thoải mái trên mạng nên họ thường nói những điều mà ngoài đời không dám phát biểu. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân khiến nạn bạo lực trên mạng càng nhức nhối thì ngoài đời con người cũng dần trở nên bất lịch sự hơn hẳn.</p> |
| <p>Chia sẻ mục tiêu với bạn bè</p> | <p>Việc chia sẻ mục tiêu sử dụng FB với bạn bè không chỉ giúp cá nhân học sinh bày tỏ được quan điểm của mình trong việc sử dụng FB một cách hiệu quả mà còn lan tỏa những quan điểm tích cực tới bạn bè, cùng nhau chia sẻ và đóng góp ý kiến để đưa ra mục tiêu sử dụng FB đúng cách mang lại hiệu quả và phát huy những lợi ích mà FB đem lại. Sử dụng FB như “phần thưởng” cho việc hoàn thành tốt một công việc nào đó: Điều này cần sự hợp tác của phụ huynh học sinh. Việc trao thưởng như để đánh dấu bạn vừa thành công hoặc làm tốt một việc nào đó. Điều này làm giảm khoảng thời gian sử dụng FB của học sinh, cũng như giúp học sinh nhận “phần thưởng” một cách trân trọng, sử dụng một cách chất lượng, hiệu quả hơn. “Dứt khoát” tắt máy tính/ điện thoại sau mỗi lần sử dụng: Đây có thể được coi là việc khá khó với học sinh, vì đa phần một khi đã sử dụng FB thì</p> |

| | |
|--|---|
| | rất khó dứt ra được, trừ khi có sự tác động của người lớn. Để làm được điều này học sinh cần có sự quyết tâm, có sự nhắc nhở của người lớn để thực hiện được việc tắt điện thoại/ máy tính. Đặc biệt người lớn cần làm gương cho trẻ để trẻ có thể nhìn vào và học tập. |
|--|---|

2.3. Một số vai trò nhân viên Công tác xã hội trường THCS Chu Văn An hỗ trợ học sinh sử dụng Facebook

Trường THCS Chu Văn An là trường đi đầu về chất lượng học tập và phong trào hoạt động trong toàn Tỉnh Thái Nguyên. Vì thế những chủ trương hoạt động thường niên của Sở Giáo dục đề ra trường luôn thực hiện rất tốt và đạt hiệu quả cao. Bên cạnh đó nhà trường cũng chủ động tổ chức những hoạt động theo chủ đề nhằm làm phong phú các nội dung truyền tải, đa dạng hóa cách thức thực hiện tạo sự mới mẻ và thu hút tới học sinh. Thực tế, tại trường THCS Chu Văn An chưa tổ chức chương trình cụ thể nào về “Sử dụng FB hiệu quả” tuy nhiên những hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và truyền thông nhà trường đã cung cấp giúp đời sống tinh thần của các em thêm phong phú.

Hoạt động thường niên vào mọi năm được tổ chức về văn nghệ là chương trình: “Giai điệu tuổi hồng” do phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thái Nguyên tổ chức được các em học sinh toàn trường hưởng ứng và hào hứng tham gia. Đặc biệt các em đã mang về thành tích cao cho nhà trường:



(Học sinh tham gia chương trình Giải điệu tuổi hồng)

Bên cạnh việc triển khai những hoạt động do Sở Giáo Dục thành phố đề ra phía công tác Đoàn Đội và Công tác xã hội luôn linh động tổ chức các hoạt động văn nghệ thể thao tại trường để huy động sự tham gia của hầu hết học sinh trong trường như chương trình văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, giải cầu lông, bơi lội và đá cầu để rèn luyện sức khỏe, tạo phong trào thi đua giữa các khối lớp trong toàn trường.

Giải cầu lông học sinh THCS Chu Văn An là hoạt động thường niên của nhà trường với mục tiêu nhằm động viên khuyến khích phong trào tập luyện và thi đấu môn cầu lông nói riêng và các hoạt động thể dục thể thao, giáo dục thể chất nói chung của học sinh; đồng thời tăng cường giao lưu giữa học sinh các lớp, nâng cao kỹ năng thi đấu môn cầu lông. Qua đó thúc đẩy phong trào rèn luyện thể thao, phát huy năng khiếu, tăng cường sức khỏe, góp phần tạo không khí thi đua sôi nổi, tinh thần giao lưu học hỏi, tăng tình đoàn kết, hiểu biết lẫn nhau giữa các em học sinh trong toàn trường.

Một trong những hoạt động được các em học sinh trường yêu thích và cổ vũ nhiệt tình đó là giải bóng đá toàn trường, thành viên tham gia là các học sinh nam từ các khối lớp. Những đội hình bóng đá luôn nhận được sự ủng hộ và cổ vũ sôi nổi từ các thành viên của lớp, giáo viên và phụ huynh. Giải bóng đá tranh cúp CVA năm học 2018 – 2019 đã diễn ra thành công tốt đẹp. Cúp CVA nhiều năm nay đã là sân chơi bổ ích, hấp dẫn giúp cho các bạn học sinh sau những giờ học căng thẳng, đồng thời giúp các bạn rèn luyện sức khỏe, gắn kết các thành viên trong đội bóng nói riêng và trong tập thể lớp nói chung. Đây là sân chơi lành mạnh, ý nghĩa, bổ ích đối với học sinh THCS Chu Văn An trong nhiều năm qua

Không chỉ dừng lại ở những hoạt động văn nghệ thể thao, nhà trường còn tổ chức những chuyên đề thông qua những hình thức đa dạng để truyền tải thông điệp, kiến thức tới học sinh. Như chương trình Chuyên đề “Phòng chống Bạo lực học đường” do sự chỉ đạo của Sở Giáo Dục thành phố Thái Nguyên, công ty Cổ phần truyền thông DPA-thành phố Thái Nguyên đã phối hợp với báo Thiếu niên Tiền Phong, tổ chức chuyên đề “Nói không với bạo lực học đường và xây dựng tình bạn đẹp” tại trường THCS Chu Văn An.

Chuyên đề đã góp phần nâng cao nhận thức của học sinh đối với những hành vi bạo lực trong lứa tuổi học đường, đồng thời xây dựng cho các em những kỹ năng cơ bản để tạo dựng một môi trường học tập lành mạnh, văn minh.

Trên đây là một số hoạt động tiêu biểu và thường niên nhà trường đã tổ chức cho học sinh tham gia. Thông qua những hoạt động này học sinh được rèn luyện thể chất, nâng cao tinh thần thể thao, đoàn kết, tiếp thu lĩnh hội những kiến thức mới bổ ích. Nhân viên Công tác xã hội đã thực hiện tốt vai trò “*Vận động nguồn lực*” khi kêu gọi tổ chức những hoạt động theo chủ đề, trước hết đó là nguồn kinh phí ngân sách tổ chức từ nhà trường, những cơ sở

Giáo dục kỹ năng sống trong Tỉnh để thực hiện chương trình, bên cạnh đó là sự ủng hộ từ phụ huynh các em học sinh để hỗ trợ cả tinh thần và vật chất giúp các em tham gia hoạt động đạt hiệu quả cao.

Thay đổi hành vi sử dụng Facebook là quá trình theo thời gian, đặc biệt với đối tượng là học sinh – lứa tuổi gặp nhiều những thay đổi về tâm lý, tình cảm. Nhân viên Công tác xã hội sẽ cần đi từ tiếp cận, tác động gián tiếp, trực tiếp, cung cấp kiến thức, thay đổi nhận thức và cuối cùng thay đổi hành vi. Với trường THCS Chu Văn An thực tế chưa có chuyên đề về “Sử dụng Facebook hiệu quả dành cho học sinh” vì thế nhân viên Công tác xã hội chưa có cơ hội để tác động trực tiếp và thực hiện đầy đủ các vai trò của mình. Tuy nhiên với những gì đã thực hiện, nhân viên Công tác xã hội đã thực hiện tốt vai trò “*Giáo Dục*” của mình khi linh hoạt đưa tới những kiến thức bổ ích về những chủ đề khác nhau cho học sinh, tổ chức những hoạt động thể chất, các phong trào thi đua giúp học sinh năng động hơn, chia đều các khoảng thời gian dành cho hoạt động, tránh dành quá nhiều thời gian sử dụng Facebook.

Bên cạnh vai trò giáo dục, nhân viên Công tác xã hội đã thực hiện vai trò “Chăm sóc” và “Tạo sự thay đổi” gián tiếp tới học sinh trong việc hỗ trợ học sinh sử dụng Facebook hiệu quả. Thông qua những hoạt động nhân viên Công tác xã hội thể hiện được vai trò chăm sóc của mình tới học sinh, từ thể chất tới tư tưởng, tâm lý tình cảm. Bên cạnh việc học giúp học sinh có tâm lý thoải mái, học sinh không áp lực việc tới trường mà hào hứng hơn với những hoạt động bổ ích. Bạn Nguyễn Văn Q học sinh khối 9 chia sẻ: “*Em thích nhất những đợt tổ chức bóng đá tranh Cup tại trường, chúng em được tham gia cùng đồng đội, thỏa niềm yêu thích bóng đá, tạo sân chơi cho em và các bạn*”. Việc dành nhiều thời gian cho online Facebook cũng bắt nguồn từ nguyên nhân ít có sân chơi, hoạt động thực tế dành cho các em. Vì vậy, tạo ra

nhiều hoạt động bổ ích như này đã mang lại hiệu quả cao trong thay đổi hành vi dành cho những hoạt động ngoại khóa của học sinh.

Sử dụng Internet không hề xấu nếu biết cách tận dụng những lợi ích từ mạng lưới này đem lại. Mạng xã hội chỉ là một kênh trong nhiều những kênh khác trên mạng Internet. Việc sử dụng ngay chức năng của máy tính và mạng Internet để làm mới phương thức tiếp cận cho học sinh cũng là cách thông minh trong việc thay đổi tư duy, nhận thức từ các em. Mới đây trường THCS Chu Văn An – tỉnh Thái Nguyên là một trong những đơn vị tiêu biểu hưởng ứng tham gia chương trình “HOUR OF CODE” 2018 tạm dịch là Giờ Lập trình mới được ra mắt vào tháng 11 năm 2018 mang tên Minecraft Chuyến thám hiểm đại dương (Voyage Aquatic). Giờ Lập trình – một phong trào toàn cầu nhằm giới thiệu về Khoa học máy tính với việc lập trình chỉ trong 1 giờ đồng hồ, được triển khai ở Việt Nam từ 17/11 đến 20/12/2018 thu hút hơn 136.541 học sinh, 26 tỉnh tham gia. “Giờ Lập trình” là một phong trào được phát động toàn cầu, nhằm giúp tất cả mọi người, đặc biệt là giới trẻ tiếp cận, trải nghiệm, tích lũy được những kiến thức cơ bản về việc lập trình chỉ trong 1 giờ đồng hồ, từ đó phát triển niềm đam mê và theo đuổi nghề nghiệp trong lĩnh vực STEM (khoa học - công nghệ – kỹ thuật – toán học). Đây là một trong các hoạt động nâng cao nhận thức thuộc dự án “Tăng cường kỹ năng CNTT cho giới trẻ hội nhập và phát triển – YouthSpark Digital Inclusion” của Microsoft tại Việt Nam phối hợp với Bộ GD&ĐT, Vietnet-ICT và Quỹ Dariu tổ chức. Trường THCS Chu Văn An – TP. Thái Nguyên là một trong những đơn vị tiêu biểu của tỉnh thái Nguyên tham gia sự kiện này. Học sinh THCS Chu Văn An có thể tự trải nghiệm Phiên bản Giờ Lập trình mới được ra mắt vào tháng 11 năm 2018 mang tên Minecraft Chuyến thám hiểm đại dương (Voyage Aquatic). Với phiên bản này, giúp người dùng tìm hiểu về các khái niệm lập trình cơ bản như các vòng lặp, sửa lỗi và các nhóm lệnh chức

năng.v.v. trong vòng một giờ đồng hồ. Tìm phiên bản Minecraft Chuyển thám hiểm đại dương cụ thể trong link:<https://code.org/minecraft>.. Sau thời gian triển khai trường THCS Chu Văn An đã thu hút được sự tham gia của hơn 840 học sinh và đạt giải “Khoảnh khắc ấn tượng”; Đây là hoạt động tăng cường cơ hội tiếp cận với công nghệ, từ đó xây dựng các kỹ năng, phát triển niềm đam mê và theo đuổi nghề nghiệp trong lĩnh vực STEM.



(Hình ảnh học sinh tham gia chương trình “HOUR OF CODE” 2018)

Nhìn chung nhân viên Công tác xã hội tại trường THCS Chu Văn An đã thực hiện được tương đối vai trò của mình trong việc gián tiếp hỗ trợ học sinh sử dụng FB hiệu quả. Vì chưa trực tiếp tổ chức những chương trình với chủ đề cụ thể liên quan tới FB nên chưa khai thác hết vai trò. Bên cạnh những thành công đã đạt được, nhân viên Công tác xã hội vẫn cần bổ sung và hoàn thiện những khía cạnh khác trong vai trò của mình như: Kết nối – khai thác;

Biện hộ vận động chính sách và Tham vấn. Học sinh THCS là lứa tuổi với nhiều thay đổi tâm sinh lý khó nắm bắt, đặc biệt trong phạm vi một trường với số lượng học sinh lớn đã tạo ra không ít khó khăn cho người làm Công tác xã hội. Đặt ra yêu cầu kết nối với học sinh, là cầu nối giữa nhà trường với phụ huynh để nắm bắt đầy đủ thông tin về học sinh, từ đó giúp học sinh phát triển, học tập và tu dưỡng tốt, vẫn luôn là thách thức với nhân viên Công tác xã hội. Đặc biệt với việc sử dụng mạng xã hội, phụ huynh và nhà trường càng khó nắm bắt hơn khi công nghệ ngày một phát triển – Điều này đòi hỏi nhân viên CTXH trau dồi kiến thức và kỹ năng hơn nữa về sử dụng Internet để phục vụ công việc, để hiểu học sinh và truyền tải cho phụ huynh. Luôn được yêu cầu tổ chức những chương trình với nội dung phù hợp, phong phú và bổ ích cho học sinh, nhưng để thực hiện được cần có đầy đủ về kinh phí và nguồn lực. Nhân viên CTXH cần có khả năng thuyết trình và thuyết phục, kết nối để vận động chính sách, kêu gọi tài trợ tổ chức những chương trình mang lại nhiều kiến thức bổ ích cho học sinh và giá trị nhân văn. Phần lớn những chương trình được tổ chức tại trường THCS Chu Văn An là chương trình trong khuôn khổ toàn trường, điều này giúp thông điệp được truyền tải đầy đủ rộng rãi tới toàn thể học sinh, tuy nhiên việc kiểm chứng chất lượng thông tin này của học sinh mỗi lớp vẫn còn thiếu sót. Vì vậy, cần xây dựng những chương trình với phạm vi nhỏ hơn tại từng lớp để nắm bắt và tiếp cận tới từng học sinh, tổ chức thêm những chủ đề phong phú về kỹ năng như: giao tiếp, tự vệ, thuyết trình,.. Bằng những hình thức như: vẽ tranh, đóng kịch, giao lưu chia sẻ từ người nổi tiếng (hoặc có tầm ảnh hưởng lớn tới học sinh), dã ngoại,.. Tuy nhiên, vẫn cần thực hiện nghiêm những quy định của nhà trường, ví dụ như nghiêm cấm sử dụng điện thoại trong giờ học, giờ kiểm tra,.. không dùng điện thoại quay video hay chụp ảnh những vấn đề nhạy cảm, mâu thuẫn bạo lực để lan truyền hoặc tung hô,.. Phối hợp chặt chẽ với gia đình qua “Số liên lạc điện tử” để quan tâm tới học sinh nhiều hơn.

Thực tế tại trường THCS Chu Văn An tỉnh Thái Nguyên nhân viên công tác xã hội chưa được hình thành, nên những vai trò của nhân viên công tác xã hội chưa phân biệt rõ với những bộ phận trong trường, từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới hỗ trợ học sinh. Thông qua những hoạt động kể trên, nhân viên Công tác xã hội đã phần nào thực hiện được một số vai trò của mình trong hỗ trợ học sinh một cách “gián tiếp” sử dụng Facebook hiệu quả. Từ những hoạt động ngoại khóa tổ chức cho học sinh cải thiện những căng thẳng mệt mỏi sau giờ học của các em, giảm đi lượng thời gian các em sử dụng cho Facebook. Giúp các em nhận thức được những lợi thế của bản thân, phát huy phục vụ cho mục đích học tập để đạt hiệu quả cao. Xây dựng được những năng lực bản thân cụ thể để tự giải quyết những vấn đề trong môi trường học đường.

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ học sinh trường THCS Chu Văn An sử dụng Facebook hiệu quả

Yếu tố thuộc về học sinh:

Những chương trình văn nghệ, thể thao được tổ chức chỉ tác động được tới một phần học sinh trong lớp, ví dụ như văn nghệ thường nhận được sự hưởng ứng từ những bạn nữ nhiều hơn bạn nam, hoặc thể thao thường các bạn nam sẽ hào hứng hơn các bạn nữ. Bạn N học sinh khối 8 chia sẻ: *“Thường thì em chỉ thích tham gia bóng đá thôi, chứ còn văn nghệ em không thích, văn nghệ chỉ dành cho bọn con gái thôi chị”* Đây không chỉ là suy nghĩ của em N, phần đông các em học sinh đều nghĩ vậy, vì thế mọi chương trình bị giới hạn về thành phần tham gia. Điều này đồng nghĩa với chất lượng chương trình và thông điệp truyền tải bị hạn chế.

Không chỉ những chương trình vận động, đối với những buổi giao lưu, tọa đàm chia sẻ, số lượng tham gia chưa hẳn đã nói lên chất lượng. Như ý kiến của bạn H học sinh khối 9 cho hay: *“Theo em, những chương trình tọa*

đàm thường rất tế nhị, chỉ được lúc đầu còn tập trung, về sau các bạn lớp em thường không hứng thú nữa, em nghĩ chắc cũng không nghe được hết những nội dung trong chương trình”. Rất khó để nắm bắt chất lượng chương trình khi học sinh tham gia, những chương trình như này yêu cầu sự tự giác cao và cần được lượng giá kết quả mỗi khi kết thúc.

Việc chính của học sinh là học tập, những hoạt động ngoại khóa giúp học sinh vận động, giải lao sau những giờ học căng thẳng và tích lũy thêm những thông tin kiến thức từ những vấn đề khác nhau. Nhưng ưu tiên nhất vẫn là việc học, vì vậy để tổ chức được những chương trình ngoại khóa nhân viên CTXH cần sắp xếp thời gian hợp lý, phù hợp với lịch học của học sinh và không ảnh hưởng tới chất lượng học tập. Một hoạt động đưa ra cần có thời gian chuẩn bị kỹ lưỡng, nếu là văn nghệ thể thao cần có thời gian tập luyện, nếu là tọa đàm, hay giao lưu cần tập dượt chuẩn bị hậu cần cẩn thận. Bởi vậy thời gian học của học sinh cũng ảnh hưởng tới vai trò của nhân viên CTXH.

Trường học là một tập thể với những cá thể mang đặc trưng riêng về tính cách, trong quá trình làm việc nhân viên CTXH gặp không ít những trường hợp cá biệt khó hợp tác gây ảnh hưởng tới chất lượng hoạt động. Cô Nguyễn T.H giáo viên trường THCS Chu Văn An chia sẻ: *“May mắn khi trường là top đầu trong Tỉnh về chất lượng học tập nên học sinh đầu vào hầu hết là những em có ý thức tốt. Là một giáo viên tôi rất hiểu việc gặp những trường hợp cá biệt trong nghề. Với việc dạy học chúng tôi là có thể lượng giá được kết quả sau những bài kiểm tra, áp dụng những quy định của nhà trường để uốn nắn các em về thái độ học tập để có kết quả tốt nhất. Tuy nhiên, với những hoạt động ngoại khóa thì khác, đòi hỏi ở các em sự tự giác nhiều hơn, phối hợp cùng các những thầy cô tổ chức để thấy được giá trị chương trình và nắm bắt được thông điệp. Một số học sinh cá biệt thường tham gia nhưng không thực sự tập trung hoặc quan điểm chưa đúng gây khó khăn trong quá trình tổ chức những hoạt động ngoại khóa”. Với những hoạt động*

mang tính quy mô lớn trong toàn trường khó để đạt kết quả rộng rãi, những học sinh cá biệt cần có sự quan tâm nhiều hơn, liên kết chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường để đưa ra những hình thức phù hợp trong hoạt động.

Vì đặc thù chương trình nên có những chương trình phải tổ chức theo đúng hình thức đặc trưng, ví dụ như những chương trình chia sẻ, tọa đàm rất khó để thay đổi hình thức nên yêu cầu sự phối hợp cao từ học sinh, chỉ có thể thực sự tham gia và dành thời gian học sinh mới hiểu và lĩnh hội được thông tin, kiến thức.

Việc sắp xếp và tổ chức những chương trình ngoại khóa cho học sinh cần phụ thuộc vào thời gian học tập và sự hưởng ứng từ chính học sinh tham gia. Nhân viên Công tác xã hội phải phụ thuộc vào thời gian biểu của học sinh và tạo được sự thu hút từ chương trình đối với học sinh, từ đó mang lại hiệu ứng tốt với học sinh sử dụng FB.

Yếu tố thuộc về nhân viên công tác xã hội: Đối với nhân viên Công tác xã hội khi thực hiện vai trò và trách nhiệm công việc của mình cần trau dồi kiến thức: Kiến thức chuyên ngành CTXH, những kiến thức về tâm lý học sinh lứa tuổi THCS, kiến thức đa dạng về những chủ đề đặc biệt về mạng xã hội Facebook. Trước khi muốn xây dựng và thực hiện chương trình cho học sinh, định hướng cho học sinh những quan điểm đúng thì nhân viên CTXH cần tích lũy kiến thức chuẩn mới có thể đem lại hiệu quả tốt nhất.

Học sinh đa dạng về cá tính vì vậy kỹ năng khi thực hiện công việc với đối tượng học sinh cần được trau dồi đầy đủ. Đặc biệt đó là kỹ năng lắng nghe, học sinh rất khó tìm được sự đồng điệu từ bố mẹ của mình bởi thiếu đi sự lắng nghe, các em lứa tuổi này thường muốn thể hiện mình và muốn người lớn xem mình như những người trưởng thành. Bởi vậy những quan điểm và suy nghĩ của các em cần được lắng nghe, để từ đó đưa ra những hình thức hỗ trợ phù hợp nhất. Kỹ năng giao tiếp với các em cũng là điều nhân viên CTXH cần lưu ý, để hiểu được cần giao tiếp tốt, mỗi một giai đoạn và lứa tuổi với

những hình thành tâm sinh lý đặc trưng, các em luôn có những cách thức để giao tiếp và dè chừng, nhân viên CTXH cần khéo léo trong tiếp xúc như vậy mới đảm bảo thu thập thông tin từ học sinh và hỗ trợ hiệu quả.

Kinh nghiệm làm việc là yếu tố quan trọng để làm tốt được công việc của mình. Trong quá trình làm việc không thể tránh những sự cố phát sinh, lúc này nhân viên CTXH cần bình tĩnh, tinh tế để hiểu vấn đề và tìm hướng giải quyết.

Yếu tố chính sách thực hiện: Đây chính là việc Nhà nước xây dựng hành lang pháp lý quan trọng giúp đảm bảo phát huy được vai trò, quyền hoạt động chuyên nghiệp, bài bản cho đội ngũ NVCTXH thông qua việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, chiến lược đào tạo đội ngũ NVCTXH, đề án đào tạo đội ngũ NVCTXH theo từng giai đoạn nhất định.

Yếu tố liên quan đến nhà trường: Nhà trường có nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của NVCTXH, những hoạt động mới có sự quan tâm chỉ đạo, đôn đốc, giám sát một cách sát sao và tổ chức thực hiện thể hiện ở việc: Tạo điều kiện tốt nhất cho đội ngũ NVCTXH thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình. Có những chủ đề mới lạ, táo bạo nhưng phù hợp với thực trạng học sinh hiện nay, tuy nhiên Ban giám hiệu nhà trường vẫn còn quan ngại bởi tính thiết thực và khả thi khi thực hiện, ví dụ như sử dụng Facebook mang lại hiệu quả cho học sinh, tránh lạm dụng ảnh hưởng tới học tập, hay game và học sinh,. Những vấn đề mới mà cũ, quen mà lạ, nếu không có sự can thiệp sớm sẽ có những ảnh hưởng không nhỏ tới các em. Nhân viên CTXH luôn là những người tiên phong trong tư tưởng, xu hướng để tiếp cận thay đổi nhận thức của học sinh, vì thế để nhận được sự hưởng ứng từ phía nhà trường những người làm CTXH phải đưa ra những luận điểm mang tính thuyết phục cao, đưa ra những con số thuyết phục, từ đó làm tiền đề cho cơ sở tổ chức.

Yếu tố khác: Các tác động bên ngoài ảnh hưởng như nguồn lực, những ý kiến, quan điểm không ủng hộ, đồng tình,...

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã nghiên cứu về thực trạng và vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong hỗ trợ học sinh sử dụng Facebook hiệu quả tại trường Trung học cơ sở Chu Văn An tỉnh Thái Nguyên. Thông qua quá trình triển khai thu thập thông tin, khảo sát bảng hỏi và thực hiện phỏng vấn sâu tác giả đã chỉ ra được những thực trạng còn tồn tại trong vai trò nhân viên Công tác xã hội, thực tế còn chưa có Nhân viên Công tác xã hội vì vậy những vai trò và nhiệm vụ hỗ trợ học sinh chưa được triệt để, những hoạt động triển khai chưa đem lại hiệu quả cao. Những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của bộ phận nhân viên Công tác xã hội còn tồn tại nhiều xuất phát từ nội tại (kỹ năng, phẩm chất đạo đức) và những tác động bên ngoài (học sinh, gia đình, nhà trường).

CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT NHỮNG GIẢI PHÁP TỪ NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI HỖ TRỢ HỌC SINH TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN TỈNH THÁI NGUYÊN SỬ DỤNG FACEBOOK HIỆU QUẢ

3.1. Một số khuyến nghị hỗ trợ học sinh trường THCS Chu Văn An tỉnh Thái Nguyên sử dụng Facebook hiệu quả

Đối với học sinh, học sinh sử dụng Facebook nói riêng và mạng xã hội nói chung cần nâng cao kỹ năng quản lý thời gian, hành vi của mình trong môi trường mạng xã hội: Học sinh cần sắp xếp thời gian dành cho học tập và thời gian sử dụng mạng xã hội; lựa chọn và biết cách chọn lọc những thông tin phù hợp để phục vụ cho bản thân; tránh để các thông tin tiêu cực, những trang mạng không lành mạnh ảnh hưởng đến đời sống và hành vi của học sinh. Giúp giải quyết những căng thẳng và khủng hoảng thần kinh. Tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm trí. Giúp học sinh khai thác và phát huy những điểm mạnh và thành công trong học tập. Có được năng lực cá nhân và xã hội, cụ thể là giúp các em giảm những hành vi như: không hoàn thành việc học tập; hung hăng, gây gổ với bạn, không kiểm soát được mình; không có quan hệ với bạn đồng lứa và người lớn; bị lạm dụng thể chất; chán học; bị trầm cảm; có những dấu hiệu, hành vi tự tử. Với những chương trình do đội ngũ Công tác xã hội của trường tổ chức các em cần có tự giác tham gia, linh hoạt trong cách tiếp cận để rút ra bài học cho bản thân. Phối hợp cùng những người làm Công tác xã hội để thu được kết quả tốt.

Đối với gia đình, cha mẹ cần dành thời gian để lắng nghe và quan tâm đến việc sử dụng mạng xã hội của con. Cha mẹ nên xây dựng một mối quan hệ tin tưởng với con cái và hơn hết, cha mẹ cần tìm hiểu vai trò mạng xã hội

và hiểu rằng việc sử dụng mạng xã hội đúng đắn là có lợi cho việc thiết lập các mối quan hệ, cập nhật và trao đổi thông tin học tập.

Hỗ trợ tham gia một cách có hiệu quả vào giáo dục con cái. Hiểu được những nhu cầu phát triển và giáo dục của trẻ. Tiếp cận các nguồn lực của trường học và cộng đồng. Hiểu các dịch vụ giáo dục đặc biệt. Tăng cường kỹ năng làm cha mẹ. Luôn giữ mối quan hệ chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường, đặc biệt với giáo viên chủ nhiệm và đại diện đội ngũ Công tác xã hội để nắm được những thông tin cần thiết về con em mình, sẵn sàng phối hợp với nhà trường để rèn luyện học sinh thu được những kết quả mong đợi.

Các cơ quan chức năng cần quản lý các mạng xã hội chặt chẽ hơn nữa và thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức của cá nhân người sử dụng để có thể phát huy tối đa các giá trị tích cực, đồng thời hạn chế tới mức thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực của mạng xã hội.

Học sinh cần nhận thức rõ mặt lợi, hại của Facebook để là người sử dụng một cách thông minh, hiệu quả. Cần hướng tới cái cái tích cực, trong sáng, lành mạnh, cái đẹp, cái có ích. Không lên Facebook quá nhiều, chỉ dùng một cách có mức độ khi cần thiết, không kết bạn dễ dãi, không đưa lên Facebook những nội dung xấu, hay những điều vụn vặt, vô nghĩa lí. Thận trọng với những nội dung mình đưa lên, tuyệt đối không xúc phạm người khác, làm ảnh hưởng xấu đến người khác. Không để lộ mình quá nhiều, không coi nó như nhật kí mà cái gì cũng đưa vào đó. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, không nói tục, chửi bậy, viết tắt, viết kí hiệu, xuyên tạc tiếng Việt, lạm dụng tiếng nước ngoài, “sáng tạo” những chữ dờ Tây dờ ta,... Không phí hoài thời gian quý báu của đời mình vào những bình luận dông dài, dờ dẫm. Nên tinh táo nhận biết đúng sai, phải trái, tránh mọi cạm bẫy, không a dua theo kiểu “tâm lí đám đông”. Hãy biết lên tiếng khi cần thiết và hãy học cách im lặng. Hãy sống tích cực với cuộc đời thực, mở lòng với cuộc

sống xung quanh. Nhà trường và xã hội cần tạo ra những sân chơi hấp dẫn thu hút giới trẻ vào đó để họ không chỉ biết “ôm” Facebook.

Thông điệp cần truyền tải đến giới trẻ là “Hãy sử dụng mạng xã hội như những người văn minh!”.

3.2. Giải pháp chung tại trường Trung học cơ sở Chu Văn An tỉnh Thái Nguyên trong hỗ trợ học sinh sử dụng Facebook hiệu quả

Đối với nhân viên Công tác xã hội: Thực tế tại trường THCS Chu Văn An đội ngũ nhân viên Công tác xã hội vẫn chưa được tách riêng với phòng Đoàn Đội, vậy nên trước hết nhân viên Công tác xã hội cần vạch rõ những nhiệm vụ, quyền hạn, công việc và kết quả đã thực hiện được trong những năm học trước để cùng nhìn lại những hoạt động, rà soát những điểm được và chưa được để khắc phục hoàn thiện. Hơn nữa, cần vạch ra những nhiệm vụ và hoạt động mới để hỗ trợ học sinh. Nhằm tác động tới Ban Giám Hiệu về vai trò, vị trí của mình, từ đó vận động và xin ý kiến tách riêng hoạt động biệt lập với văn phòng Đoàn Đội. Khi hoạt động riêng nhân viên Công tác xã hội sẽ có cơ hội và khả năng triển khai những vai trò chuyên môn một cách toàn diện. Thành lập phòng Công tác xã hội riêng đồng nghĩa với việc học sinh khi gặp những khó khăn cần hỗ trợ có thể trực tiếp liên hệ giúp đỡ từ văn phòng riêng, có chuyên môn, trách nhiệm hỗ trợ học sinh. Căn cứ *Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT* của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn công tác xã hội trong trường học để đề xuất Ban Giám Hiệu trường THCS Chu Văn An thành lập phòng Công tác xã hội riêng đi vào triển khai hoạt động chuyên nghiệp.

Với nội dung hỗ trợ học sinh sử dụng Facebook hiệu quả tại trường THCS Chu Văn An, nhân viên Công tác xã hội cung cấp số liệu thực tế về số học sinh đang tham gia Facebook, theo thống kê có tới 28,9% học sinh cảm thấy nhức mỏi mắt khi sử dụng FB, 28,9% học sinh cảm thấy mất tập trung

sau khi sử dụng FB,..Những con số đáng báo động cùng những trường hợp học sinh dành quá nhiều thời gian cho FB, những câu chuyện đời tư bị đưa lên FB khi bản thân học sinh đó không mong muốn và đã đem lại những hệ lụy đáng buồn..Tất cả là cơ sở để giúp nhân viên CTXH đưa ra những chuyên đề thiết thực xung quanh FB nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng để các em học sinh sử dụng FB một cách thông minh.

Đối với nội dung truyền tải đến học sinh, nhân viên Công tác xã hội cần xây dựng phong phú, đa dạng, để tiếp cận học sinh hiệu quả. Ví dụ như sử dụng ngay mạng xã hội FB để tổ chức cuộc thi ảnh: “Facebook và học sinh”, điều kiện tham gia là học sinh trường THCS Chu Văn An, thể lệ cuộc thi: Học sinh đăng tải bức ảnh có nội dung liên quan tới học sinh và FB, có thể Tốt hoặc Xấu, tuy nhiên nội dung đăng tải nào thuyết phục nhất sẽ được Ban tổ chức công nhận và trao giải. Ngoài ra để công bằng, bức ảnh nào nhận được lượt Like và Share nhiều nhất, trung thực nhất cũng sẽ nhận được một giải đặc biệt. Ý nghĩa mà chương trình đem lại sẽ giúp học sinh tham gia dành thời gian tìm hiểu được những lợi ích và tác hại nếu sử dụng Facebook không đúng cách, lan tỏa thông điệp mà mình muốn gửi gắm thông qua những bức ảnh, tạo được phong trào trong toàn trường, mang sức ảnh hưởng tới những người xung quanh, từ đó cung cấp kiến thức nền tảng qua chính cuộc thi.

Trau dồi kiến thức, kỹ năng, và kinh nghiệm để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Trước hết nhân viên Công tác xã hội cần hiểu về đối tượng làm việc của mình. Đối với môi trường trong trường học, đặc biệt là học sinh THCS với những thay đổi tâm sinh lý đặc thù, khó nắm bắt nhân viên CTXH cần hiểu rõ hơn để mang lại hiệu quả làm việc tốt nhất. Bằng những kinh nghiệm và thâm niên làm việc, nhân viên Công tác xã hội cần vận dụng hợp lý, phù hợp, dùng kinh nghiệm đã tích lũy để có được hiệu quả mong muốn.

Kĩ năng giao tiếp

Giao tiếp là một quá trình tiếp xúc qua đó các đối tác trao đổi và chia sẻ những hiểu biết ý tưởng và tình cảm, thông tin cho nhau hay nói cách khác giao tiếp là sự tiếp xúc qua lại, là cùng trao đổi, bàn luận thông qua các kĩ năng nghe, nói, viết và kĩ năng nhìn nhận.

Giao tiếp được coi là chiếc chìa khóa để mở mọi cánh cửa. Trong công tác xã hội, kĩ năng giao tiếp được sử dụng như là một kĩ năng tổng hợp và xuyên suốt quá trình làm việc gồm rất nhiều các kĩ năng đã kể trên nhằm mục đích tiếp cận thân chủ, làm việc với thân chủ, hiểu vấn đề thân chủ.

Giao tiếp trong công tác xã hội không phải là giao tiếp xã hội thông thường, thông qua giao tiếp với đối tượng mà nhân viên công tác xã hội có thể tạo được ấn tượng nhất định, khai thác thông tin, nắm vấn đề và tác động làm thay đổi suy nghĩ, cảm xúc, hành vi của thân chủ.

Đặc thù của công tác xã hội trong trường học là làm việc với nhiều đối tượng khác nhau như giáo viên, học sinh, lãnh đạo quản lý nhà trường và cả phụ huynh học sinh. Nhân viên công tác xã hội không thể đồng nhất tất cả các đối tượng trên với cùng một cách giao tiếp. Điều này đòi hỏi Nhân viên công tác xã hội cần phải có khả năng hiểu về thân chủ của mình, hiểu mình đang đứng trong hoàn cảnh nào và tiếp xúc với ai để có cách làm việc hiệu quả nhất.

Kĩ năng lắng nghe

Lắng nghe là kĩ năng cơ bản của công tác xã hội. Lắng nghe là hoạt động tâm lý tích cực có sự tham gia của ý thức, đòi hỏi người nghe phải tập trung chú ý cao độ để tiếp nhận và hiểu được ý nghĩa thông tin. Lắng nghe đòi hỏi Nhân viên công tác xã hội cần phải có ý thức khi làm việc với thân chủ của mình, nó là một khía cạnh thực hành nguyên tắc chấp nhận.

Ở trong trường học, lắng nghe trở thành một kỹ năng vô cùng quan trọng bởi các đối tượng làm việc của nhân viên công tác xã hội trong trường học là rất đa dạng. Có thể là giáo viên, học sinh, cán bộ quản lý, và phụ huynh học sinh. Đôi khi bởi những yếu tố tác động chủ quan và khách quan khiến nhân viên công tác xã hội sao nhãng và không lắng nghe thân chủ của mình sẽ dẫn đến việc dễ áp đặt ý kiến chủ quan của mình vào vấn đề của thân chủ bởi những thành kiến đã có sẵn. Việc lắng nghe không tích cực sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình can thiệp giải quyết vấn đề của thân chủ.

Mỗi thân chủ trong trường học của chúng ta đều có những vấn đề riêng khác nhau, chúng ta chấp nhận , lắng nghe thân chủ để hiểu về lời nói, cảm nghĩ và sự sẻ chia của thân chủ. Từ đó chúng ta mới có thể nhận diện được vấn đề của thân chủ và có những cách thức can thiệp phù hợp nhất.

Kỹ năng quan sát

Quan sát là chú ý đến những đặc điểm của người, vật hay tình huống, mục đích là sử dụng những dữ liệu quan sát được để hiểu về thân chủ và hoàn cảnh của thân chủ.

Kỹ năng quan sát rất quan trọng khi nhân viên công tác xã hội làm việc trong trường học, đặc biệt là đối với những thân chủ là học sinh. Không dễ dàng gì mà nhân viên công tác xã hội có thể tiếp cận được với các em học sinh, và có thể khi tiếp cận rồi, cũng không dễ để các em chia sẻ vấn đề của mình. Trong thời điểm đó, quan sát là kỹ năng tốt nhất mà nhân viên công tác xã hội có thể sử dụng, có quan sát chúng ta mới hiểu được những biểu hiện qua nét mặt, những dấu hiệu của sự lo lắng bất an qua hành vi, thái độ của thân chủ.

Kĩ năng biện hộ

Biện hộ là việc nhân viên công tác xã hội đứng trên tư cách của thân chủ, đứng về phía thân chủ để tranh luận, giúp đỡ thân chủ nhưng cũng không hẳn là chống đối một tổ chức khác.

Muốn biện hộ thành công nhân viên công tác xã hội cần xác định được thân chủ cần biện hộ là ai, vấn đề cần biện hộ cho thân chủ là gì, và biện hộ nhằm mục tiêu gì. Nhân viên công tác xã hội cũng cần phải có khả năng thuyết phục, thương lượng với các tổ chức khác để tìm ra biện pháp tốt nhất hỗ trợ cho thân chủ.

Biện hộ được sử dụng trong trường học cho tất cả các đối tượng có vấn đề.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy đối tượng cần được biện hộ nhiều nhất là học sinh.

Bởi có những vấn đề của các em học sinh không thuộc khả năng tự giải quyết được, như vấn đề liên quan đến chính sách hay pháp luật, thì nhân viên công tác xã hội sẽ đứng ra bảo vệ quyền lợi cho các em. Biện hộ nhằm tạo điều kiện để các em có thể tham gia vào tiến trình học tập một cách tốt nhất.

Kĩ năng thuyết phục

Thuyết phục là việc làm cho người khác thay đổi hành vi, hành động của mình theo hướng mình mong muốn để đạt được mục tiêu của mình.

Thuyết phục trong công tác xã hội là việc nhân viên công tác xã hội tác động để thân chủ thay đổi hành vi và hành động theo hướng mà nhân viên công tác xã hội mong muốn nhằm mang lại những lợi ích tốt nhất cho thân chủ.

Trong trường học, ở môi trường cần tiếp cận với nhiều đối tượng khác nhau như: học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý trường học và phụ huynh học sinh và mỗi đối tượng cần có cách tiếp cận làm việc khác nhau.

Trình tự cơ bản của việc thuyết phục đối tượng bao gồm: Tạo sự tin tưởng, gần gũi (qua lập luận, qua cử chỉ, qua sự tự tin, hòa đồng, cảm thông với đối tượng mà nhân viên công tác xã hội thể hiện) để tạo ra sự hấp dẫn, thích thú khiến đối tượng phải quan tâm đến vấn đề mà nhân viên công tác xã hội nêu ra nhằm tăng cường sức thuyết phục, dẫn dắt đối tượng tới các hành vi, hành động mà nhân viên công tác xã hội mong muốn.

Do đó, nhân viên công tác xã hội cần phải tìm hiểu được nhu cầu của đối tượng thuyết phục, tìm hiểu môi trường xã hội, tính cách của đối tượng qua đó nắm bắt được sở thích, tâm lý, hoàn cảnh của đối tượng cần thuyết phục.

Đối với giáo viên, cán bộ quản lý trường học, phụ huynh học sinh cần phải phân tích được sự hợp lý trong phương pháp làm việc mà nhân viên công tác xã hội đề xuất để cùng thống nhất các biện pháp tác động lên học sinh cũng như tìm kiếm được sự ủng hộ của họ trong việc thực hiện các biện pháp trên.

Đối với học sinh cần tránh việc cứng nhắc ép các em vào khuôn khổ, quy định hay giảng cho các em về các nguyên tắc. Trước tiên cần phải tạo cho trẻ cảm giác thân thiện, hòa đồng. Qua đó tìm hiểu được tâm tư, nguyện vọng của trẻ, các sở thích của trẻ. Từ đó từng bước dẫn dắt thay đổi các hành vi lệch chuẩn.

Đối với học sinh

Học sinh trường THCS Chu Văn An đi đầu trong toàn Tỉnh về chất lượng học sinh, xếp loại học lực và môi trường giáo dục. Bởi vậy, việc lồng ghép những hoạt động ngoại khóa với những chủ đề khác nhau sẽ thuận lợi nhận được hưởng ứng từ phía học sinh. Không thể tránh được những trường hợp cá biệt, tuy nhiên với những chương trình đa dạng về nội dung, mới lạ về hình thức chắc chắn sẽ đem lại hiệu ứng tốt. Đặc biệt duy trì sổ tay liên lạc

điện tử để giúp nhà trường và gia đình nắm bắt được thông tin nhằm đưa ra phương thức giáo dục phù hợp. Với những học sinh cá biệt, cần dành nhiều sự quan tâm hơn để tạo sự cởi mở, tương tác với nhân viên Công tác xã hội.

Đặt trong khuôn khổ nhà trường, nhân viên Công tác xã hội tận dụng những quy định, nội quy của nhà trường để “bắt buộc” học sinh thực hiện, bên cạnh đó nắm bắt tâm lý học sinh để học sinh phối hợp với các hoạt động một cách tự nguyện, vui vẻ và đem lại hiệu quả.

Môi trường học đường nên vận dụng phương pháp công tác xã hội nhóm, học sinh trong mỗi lớp là một tập thể nhỏ, mỗi tập thể đều tồn tại những nhóm nhỏ chia theo những đặc tính, điềm chung theo tính cách, sở thích phù hợp. Từ đây nhân viên Công tác xã hội xây dựng những kế hoạch can thiệp phù hợp với những nhóm đối tượng học sinh. Ví dụ như nhóm học sinh sử dụng FB từ 1-3 tiếng, học sinh sử dụng FB trên 3 tiếng,..

Những chủ đề đưa ra với học sinh cần được làm mới từ nội dung đến hình thức để học sinh dễ tiếp cận, cảm thấy hứng thú khi tham gia. Kênh thông tin để truyền tải nội dung về việc sử dụng FB hiệu quả nhân viên CTXH có thể sử dụng chính Facebook, tổ chức những cuộc thi ảnh sáng tạo về tác hại của việc không sử dụng đúng mục đích của FB, bài đăng nào nhận được nhiều “vote” của mọi người nhất sẽ đạt giải nhất, tương ứng với giải thưởng của nhà trường,.. Hoặc trên page của trường có thể đăng những nội dung tác hại nếu lạm dụng FB, bằng những hình ảnh nghiêm trọng, những hệ lụy khó lường tác động đến nhận thức và thay đổi hành vi của học sinh.

Lồng ghép những nội dung cần truyền tải về việc sống “thực” gần gũi với gia đình, chia sẻ lắng nghe giữa các thành viên trong gia đình qua những môn học như “Giáo dục công dân”, hoặc qua những câu chuyện chia sẻ từ giáo viên trong tiết sinh hoạt để đi vào suy nghĩ của học sinh.

Đối với những học sinh cá biệt, nhân viên Công tác xã hội dành sự quan tâm nhiều hơn, có những trao đổi riêng với giáo viên chủ nhiệm để sát sao hơn những trường hợp này.

Thay đổi nhận thức của học sinh đó là cả một quá trình, đòi hỏi sự kiên trì từ nhân viên Công tác xã hội, làm việc có trách nhiệm, có hiệu quả. Chia sẻ đồng thời lắng nghe để thay đổi phù hợp mới tạo được hiệu quả cao trong quá trình làm việc.

Đối với nhà trường

Nhân viên Công tác xã hội trình bày quan điểm, dự án và những chương trình muốn thực hiện với nhà trường nhằm thay đổi nhận thức để học sinh sử dụng FB hiệu quả. Nhằm nhận được sự ủng hộ về tinh thần và tài chính, có sự sắp xếp phù hợp về thời gian để nhân viên CTXH có cơ hội được đưa những kế hoạch thành hiện thực. Nhà trường hỗ trợ nhân viên CTXH giáo dục học sinh thực hiện nội quy “bắt buộc” như: ‘Không được sử dụng điện thoại trong các giờ học’

Đối với gia đình

Cung cấp cho gia đình học sinh những kiến thức về sử dụng FB hiệu quả, phân tích những tác hại của FB nếu học sinh dùng không đúng cách. Chia sẻ những thay đổi tâm lý mà lứa tuổi này dễ gặp phải để cha mẹ học sinh nắm được từ đó lắng nghe con nhiều hơn, thấu hiểu tâm lý của con, chấp nhận những thay đổi ở giai đoạn này. Đặc biệt phối hợp hiệu quả với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm và nhân viên CTXH sát sao tình hình học tập của con, những điều con đã đạt được hoặc chưa hoàn thiện nhằm khắc phục và giáo dục học sinh tốt hơn.

KẾT LUẬN

Cuộc sống còn nhiều điều thú vị đợi chúng ta khám phá. Bên cạnh sự đa dạng của Facebook còn có rất nhiều kiến thức thực tế, những mảng màu của thế giới tự nhiên, và giá trị thực của cuộc sống mà chúng ta không thể tìm thấy trên mạng xã hội. Học sinh trường Trung học cơ sở Chu Văn An nói riêng và học sinh trên toàn thế giới nói chung chính là lớp trẻ đầy nhiệt huyết sẽ tiếp bước những thành tựu khoa học kỹ thuật, gìn giữ những giá trị văn hóa, đạo đức của muôn đời.

Để học sinh có đủ năng lực và tự tin trước Facebook cần có sự hướng dẫn, định hướng, của gia đình, nhà trường và đặc biệt là trợ giúp từ nhân viên Công tác xã hội.

Nhờ có các vai trò của công tác xã hội đã giúp học sinh hiểu biết những mặt có lợi có hại của Facebook .

Định hướng, giáo dục các em cần nhận thức rõ mặt lợi, hại của FB để không là “tín đồ ngu muội” của FB mà là người sử dụng một cách thông minh, hiệu quả. Cần hướng tới cái cái tích cực, trong sáng, lành mạnh, cái đẹp, cái có ích. Đừng lên FB quá nhiều, chỉ dùng một cách có mức độ khi cần thiết, không kết bạn dễ dãi, không đưa lên FB những nội dung xấu, hay những điều vụn vặt, vô nghĩa lí.

Nhân viên CTXH cần làm nhất là sự thay đổi nhận thức của các em học sinh. FB được tạo ra với những lợi ích vô cùng tốt đẹp, có chăng đó là do người sử dụng chưa có được cách sử dụng đúng cách nên dẫn đến các hệ lụy chưa tốt.

Nhân viên CTXH giúp học sinh đặt ra các nguyên tắc với chính bản thân mình:

Xác định đúng mục tiêu sử dụng

Hạn chế thời gian sử dụng FB

Chia sẻ mục tiêu của bạn với bạn bè

Sử dụng FB như “phần thưởng” cho việc hoàn thành tốt một công việc nào đó

“Dứt khoát” tắt máy tính/ điện thoại sau mỗi lần sử dụng

Nhân viên CTXH hỗ trợ học sinh kết nối với các chương trình ngoại khóa, những hoạt động ngoài trời bổ ích, lý thú để giúp các em dành nhiều thời gian và cảm thấy thú vị với cuộc sống “thực” hơn là dành quá nhiều thời gian cho việc sử dụng FB chưa đúng mục đích.

Facebook được sinh ra để nâng tầm giá trị kết nối trên thế giới, cung cấp kiến thức và phục vụ con người. Vì thế FB không hề có hại với học sinh, tác hại của FB được sinh ra khi người sử dụng dùng sai mục đích của nó. Vì vậy, hãy là người dùng thông minh để phát huy hết những tính năng và lợi ích của FB. Hãy tập trung cao độ vào học tập, hãy cháy lên để tỏa sáng. Hãy nhớ, đừng mê FB mà quên đọc sách, đừng mãi nói chuyện với người trên mạng mà quên giao tiếp với người thân, đừng “phây” đến phờ phạc, phí phạm đời mình vào những điều vô nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu Tiếng Việt

1. Đào Lê Hòa An (2013), “Nghiên cứu về hành vi sử dụng Facebook của con người- một thách thức cho tâm lí học hiện đại”, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu, Nguyễn Thạc (2007), Hoạt động Giao tiếp Nhân cách, NXB Đại Học Sư Phạm Tp.Hồ Chí Minh.
3. H.Kent Baker and Jonh R.Nofsinger (2012), Tài chính hành vi, NXB Kinh tế TP. HCM
4. Lê Minh Công (2011). Tác động của Internet đến nhận thức và hành vi giới tính, tình dục ở thanh thiếu niên, Luận văn thạc sĩ ngành Tâm lý học
5. Chính phủ (2013), Nghị định số 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet
6. Vũ Dũng (2008), Từ điển tâm lý học, Viện khoa học xã hội Việt Nam, Viện Tâm lý học, NXB từ điển bách khoa Tr259
7. Trần Thị Minh Đức(2014), Sử dụng mạng xã hội trong sinh viên Việt Nam, Tạp chí khoa học Việt Nam
8. Bùi Hương Giang, Ngô Minh Hường (2008), Tìm hiểu ngôn ngữ trên mạng xã hội Facebook, QH-2008-X-NN, Đại học khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội.
9. Phạm Minh Hạc (1989) Hành vi và hoạt động, NXB Giáo dục
10. Phạm Minh Hạc (chủ biên) Thái Duy Tuyên (20012) Định hướng giá trị con người Việt Nam -Thời kì đổi mới và hội nhập, NXB Chính trị Quốc gia
11. Phạm Minh Hạc (2003), biên dịch và giới thiệu Một số công trình Tâm lý học của A.N.Leonchiev, NXB Giáo dục

12. Bùi Thị Hân (2013), Nhận thức và thái độ của học sinh trường Trung cấp Đông Dương về mạng xã hội, Luận văn thạc sĩ, ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Nguyễn Thị Hậu (2013), Mạng xã hội với giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, Viện nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Văn Hóa.
14. Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Lan Nguyễn (2016), “ Tác động của mạng xã hội Facebook đối với sinh viên hiện nay”, tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội
15. Bùi Thu Hoài (2014) Tác động của mạng xã hội đến giới trẻ, Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học KHXHNV
16. Bach Huyét (2008), Định nghĩa Hành Vi, NXB Hà Nội
17. Uyên Huynh (2013), Có quá nhiều bạn trên Facebook, bao nhiêu là đủ, NXB Hà Nội
18. B.R.Hergenhahn(2003), Nhập môn lịch sử Tâm lý học, NXB Thống kê
19. A.N. Leonchiev (1987), Hoạt động – ý thức- nhân cách”, NXB Giáo dục
20. Đỗ Long (2007) Những nghiên cứu Tâm lý học, NXB Chính trị Quốc gia
21. Lê Tuyết Mai (2016), Báo cáo chuyên đề các cách phân loại hành vi của con người, Trường Đại học Hồng Đức
22. Lưu Bá Lộc(2013), Tác động của mạng xã hội với sinh viên Đại học Văn Lang, Khóa luận tốt nghiệp
23. Đặng Thị Nga (2013), nhu cầu sử dụng mạng xã hội của sinh viên cao đẳng su phạm Thái Bình, luận văn thạc sỹ, Cao đẳng SP Thái Bình

24. Nguyễn Thị Hồng Nga (2010), Hành vi con người và môi trường, NXB Lao động- Xã hội, Hà Nội Tr 19

25. Đặng Thanh Nga (2006), Từ khái niệm hành vi đến khái niệm hành vi phạm tội, Tạp chí nhà nước và pháp luật, số 6, tr 75-77

26. Hoàng Phê (2000), Từ điển tiếng Việt, Nhà xuất bản Đà Nẵng, tr 860

27. Lê Thị Linh Trang (2013), Nghiên cứu hành vi văn minh đô thị của thanh niên Thành phố Hồ Chí Minh, luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội

28. Nguyễn Thị Tứ (2012), Giáo trình Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, NXB Đại học Sư phạm Tp. HCM.

29. Nguyễn Ánh Tuyết (2008), Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ, Tạp chí Giáo dục mầm non tháng, số 2

30. Nguyễn Quan Uẩn (2013). Giáo trình tâm lý học đại cương, NXB Đại học sư phạm Hà Nội

Tài liệu Tiếng Anh

31. BahireEfe ÖZAD (2012), Tertiary students attitudes towards using SNS, Turkey.

32. Cambridge University (2012), Facilitating social behavior for young people, Department of Education

PHỤ LỤC 1: PHIẾU KHẢO SÁT
SỰ TÁC ĐỘNG CỦA MẠNG XÃ HỘI FACEBOOK ĐỐI
VỚI HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHU VĂN AN
TỈNH THÁI NGUYÊN

Xin chào các bạn! Mình hiện đang thực hiện luận văn tốt nghiệp Thạc Sĩ khoa Công tác Xã hội của trường Đại học Lao động xã hội. Hiện nay, mình đang nghiên cứu về sự tác động của mạng xã hội Facebook đối với học sinh tại trường THCS Chu Văn An tỉnh Thái Nguyên.

Ý kiến của bạn sẽ là những đóng góp vô cùng quý giá đối với bài nghiên cứu của mình. Toàn bộ thông tin thu được sẽ được bảo mật và chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu. Rất mong sự giúp đỡ của bạn. Mình xin chân thành cảm ơn!

Họ và Tên:.....

Lớp: **Giới tính:**.....

1/ Bạn biết Facebook thông qua:

- A. Bạn bè
- B. Internet
- C. Báo chí
- D. Ý kiến khác:.....

2/ Bạn thường sử dụng Facebook vào thời điểm nào trong ngày?

- A. Buổi sáng
- B. Buổi tối
- C. Bất kỳ thời gian nào trong ngày

D. Không cố định

3/ Bạn thường sử dụng Facebook trong bao lâu?

- A. Dưới 1 tiếng
- B. 1 - 3 tiếng
- C. Trên 3 tiếng
- D. Cả ngày

4/ Bạn đã sử dụng Facebook bao lâu rồi?

- A. Dưới 3 tháng
- B. 3 - 6 tháng
- C. 6 tháng - 1 năm
- D. Trên 1 năm

5/ Mục đích bạn sử dụng Facebook để làm gì?

- A. Kết bạn
- B. Kinh doanh
- C. Trào lưu
- D. Chia sẻ thông tin
- E. Ý kiến khác:.....

6/ Bạn yêu thích chức năng nào của Facebook?

.....
.....

7/ Bạn có bao nhiêu người bạn trên Facebook?

- A. Dưới 100
- B. Từ 100 - 500
- C. Từ 500 - 1000
- D. Trên 1000

8/ Bạn có thật sự biết những người đó không?

- A. Có
- B. Không

9/ Bạn có nhận thấy sự tác động của Facebook đối với bạn không?

- A. Có
- B. Không

10/ Kết quả học tập của bạn kỳ vừa qua đạt loại nào?

- A. Giỏi
- B. Khá
- C. Trung bình
- D. Yếu

11/ Bạn có hay gặp phải tình trạng mỏi mắt, căng thẳng, giảm tập trung sau mỗi lần sử dụng FB k?

- A. Không
- B. Hiếm khi
- C. thỉnh thoảng
- D. Thường xuyên

12/Bạn có dành thời gian giúp đỡ bố mẹ trong những công việc nhà?

- A.Chưa bao giờ
- B. Thi thoảng
- C. Thường xuyên

13/Bạn có hay chia sẻ tâm sự với bố mẹ những câu chuyện hàng ngày không?

- A. Không bao giờ
- B. Hiếm khi
- C. Luôn luôn

14/ Bạn có cảm thấy hài lòng với cuộc sống thực tại của mình không?

- A. Có
- B. Không

15/ Khi đối diện với một vấn đề nào đó cần phải giải quyết bạn có sẵn sàng chia sẻ với mọi người xung quanh không?

- A. Có
- B.Không

16/ Trong quá trình học tập bạn có gặp phải tình trạng mất tập trung không?

- A. Không bao giờ
- B. Hiếm khi
- C. Thường xuyên

17/ Bạn cảm thấy thế nào khi ảnh của mình đạt nhiều “Like” và “Share”?

- A. Không cảm thấy gì
- B. Cảm thấy vui
- C. Cảm thấy rất vui
- D. Cảm thấy phấn khích

18/ Facebook có ảnh hưởng tốt như thế nào đối với bạn?

.....
.....

19/ Facebook có ảnh hưởng xấu như thế nào đối với bạn?

.....
.....

20/ Bạn có thể tránh những ảnh hưởng xấu của Facebook hay không?

- A. Có
- B. Không

21/ Trong tương lai bạn có sẵn sàng bỏ Facebook hay không?

- A. Có
- B. Không

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của bạn!

PHỤ LỤC 2 KẾT QUẢ SỐ LIỆU SAU KHI CHẠY PHẦN MỀM SPSS

Câu 1: Mục đích sử dụng Facebook của học sinh

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|--------------------|-----------------|------------------|
| Bạn bè | 46 | 22.5 |
| Internet | 55 | 27.0 |
| Báo chí | 52 | 25.5 |
| Ý kiến khác | 51 | 25.0 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 2: Thời gian sử dụng FB của học sinh

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|--|-----------------|------------------|
| Buổi sáng | 43 | 21.1 |
| Buổi tối | 46 | 22.5 |
| Bất kỳ thời gian nào trong ngày | 45 | 22.1 |
| Không cố định | 70 | 34.3 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 3: Thời gian sử dụng FB trong một ngày

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|---------------------|-----------------|------------------|
| Dưới 1 tiếng | 50 | 24.5 |
| 1 - 3 tiếng | 53 | 26.0 |
| Trên 3 tiếng | 52 | 25.5 |
| Cả ngày | 49 | 24.0 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 4: Tổng thời gian đã sử dụng FB của học sinh

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|------------------------|-----------------|------------------|
| Dưới 3 tháng | 51 | 25.0 |
| 3 - 6 tháng | 51 | 25.0 |
| 6 tháng - 1 năm | 52 | 25.5 |
| Trên 1 năm | 50 | 24.5 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 5: Mục đích sử dụng FB của học sinh

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|--------------------------|-----------------|------------------|
| Kết bạn | 40 | 19.6 |
| Kinh doanh | 41 | 20.1 |
| Trào lưu | 41 | 20.1 |
| Chia sẻ thông tin | 39 | 19.1 |
| Ý kiến khác | 43 | 21.1 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 7: Số lượng bạn bè khi sử dụng FB của học sinh

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|----------------------|-----------------|------------------|
| Dưới 100 | 61 | 29.9 |
| Từ 100 - 500 | 48 | 23.5 |
| Từ 500 - 1000 | 47 | 23.0 |
| Trên 1000 | 48 | 23.5 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 8: Những bạn bè trên FB mà học sinh thực sự quen

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|--------------|-----------------|------------------|
| Có | 126 | 61.8 |
| Không | 78 | 38.2 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 9: Nhận thấy sự tác động của FB tới bản thân

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|--------------|-----------------|------------------|
| Có | 127 | 62.3 |
| Không | 77 | 37.7 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 10: Kết quả học tập khi sử dụng FB

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|-------------------|-----------------|------------------|
| Giỏi | 49 | 24.0 |
| Khá | 41 | 20.1 |
| Trung bình | 57 | 27.9 |
| Yếu | 57 | 27.9 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 11: Ảnh hưởng sức khỏe khi sử dụng FB chưa đúng cách

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|---------------------|-----------------|------------------|
| Không | 28 | 13.7 |
| Hiếm khi | 54 | 26.5 |
| Thỉnh thoảng | 63 | 30.9 |
| Thường xuyên | 59 | 28.9 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 12: Tần suất giúp đỡ bố mẹ khi học sinh dùng FB

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|---------------------|-----------------|------------------|
| Chưa bao giờ | 87 | 42.6 |
| Thi thoảng | 97 | 47.5 |
| Thường xuyên | 20 | 9.8 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 13: Tần suất học sinh tâm sự với bố mẹ khi dùng FB

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|----------------------|-----------------|------------------|
| Không bao giờ | 88 | 43.1 |
| Hiếm khi | 96 | 47.1 |
| Luôn luôn | 20 | 9.8 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 14: Trạng thái hài lòng với thực tế khi dùng FB

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|--------------|-----------------|------------------|
| Có | 183 | 89.7 |
| Không | 21 | 10.3 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 15: Khi đối diện với một vấn đề nào đó cần phải giải quyết bạn có sẵn sàng chia sẻ với mọi người xung quanh không?

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|--------------|-----------------|------------------|
| Có | 89 | 43.6 |
| Không | 115 | 56.4 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 16: Trong quá trình học tập bạn có gặp phải tình trạng mất tập trung không?

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|----------------------|-----------------|------------------|
| Không bao giờ | 51 | 25.0 |
| Hiếm khi | 94 | 46.1 |
| Thường xuyên | 59 | 28.9 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 17: Bạn cảm thấy thế nào khi ảnh của mình đạt nhiều “Like” và “Share”?

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|----------------------------|-----------------|------------------|
| Không cảm thấy gì | 32 | 15.7 |
| Cảm thấy vui | 64 | 31.4 |
| Cảm thấy rất vui | 54 | 26.5 |
| Cảm thấy phấn khích | 54 | 26.5 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 20: Bạn có thể tránh những ảnh hưởng xấu của Facebook hay không?

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|--------------|-----------------|------------------|
| Có | 7 | 3.4 |
| Không | 197 | 96.6 |
| Tổng | 204 | 100.0 |

Câu 21: Trong tương lai bạn có sẵn sàng bỏ Facebook hay không?

| | Tần suất | Tỷ lệ (%) |
|--------------|-----------------|------------------|
| Có | 8 | 3.9 |
| Không | 196 | 96.1 |